

**BẢNG GIẢI TRÌNH NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC THÔNG TƯ TRONG LĨNH VỰC KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG XE CƠ GIỚI, XE MÁY CHUYÊN DÙNG, XE CHỖ NGƯỜI BÓN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ, XE CHỖ HÀNG BÓN
BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ VÀ XE ĐẠP ĐIỆN SẢN XUẤT, LẮP RÁP VÀ NHẬP KHẨU**

Nội dung văn bản	Dự thảo sau khi sửa đổi, bổ sung	Giải trình nội dung sửa đổi, bổ sung
Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày ngày 05 tháng 07 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô (sau đây viết tắt là Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT)		
Điều 5. Thẩm định thiết kế		
<p>Điểm a khoản 2 Điều 5: a) Cơ sở thiết kế lập hồ sơ thiết kế ô tô theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua Cổng thông tin điện tử hoặc bằng hình thức khác đến Cơ quan QLCL. Trường hợp nộp hồ sơ bản giấy, cơ sở thiết kế nộp 02 bộ hồ sơ (03 bộ nếu cơ sở thiết kế khác cơ sở sản xuất);</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 5 như sau: “a) Cơ sở thiết kế lập hồ sơ thiết kế theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cơ quan QLCL. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính thì hồ sơ bao gồm: 01 hồ sơ thiết kế theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và 01 tài liệu (hoặc 02 nếu cơ sở thiết kế khác cơ sở sản xuất) theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 của Thông tư này. Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến thì hồ sơ thiết kế để nộp là hồ sơ điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này.”</p>	<p>Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 5 để đáp ứng kết luận của Thanh tra Bộ GTVT về rà soát làm rõ quá trình thực hiện; đồng thời sửa đổi lại quy định về số lượng, tài liệu phải nộp theo quy định (ví dụ nộp 02 bộ hồ sơ → 01 hồ sơ thiết kế theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và 01 tài liệu (hoặc 02 nếu cơ sở thiết kế khác cơ sở sản xuất) theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 của Thông tư)</p>
<p>Điểm a khoản 2 Điều 5: c) Cơ quan QLCL kiểm tra đối chiếu các nội dung của hồ sơ thiết kế ô tô với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô trong 10 ngày. Trường hợp hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này; Nếu hồ sơ thiết kế ô tô có các nội dung chưa đạt yêu cầu thì Cơ quan QLCL tiến hành thông báo bằng văn bản các nội dung chưa đạt để cơ sở thiết kế thực hiện bổ sung, sửa đổi theo quy định. Cơ sở thiết kế có trách nhiệm bổ sung hoàn thiện hồ sơ thiết kế trong vòng 30 ngày kể từ ngày ra thông báo. Quá thời hạn nêu trên, Cơ quan QLCL sẽ dừng việc thẩm định hồ sơ</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 5 như sau: “c) Cơ quan QLCL kiểm tra đối chiếu các nội dung của hồ sơ thiết kế ô tô với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô trong 10 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này <u>trong thời hạn 03 ngày làm việc</u> kể từ ngày có kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu; Nếu hồ sơ thiết kế ô tô có các nội dung chưa đạt yêu cầu thì Cơ quan QLCL thông báo nội dung chưa đạt yêu cầu (bằng hình thức trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác) để Cơ sở thiết kế bổ sung, sửa đổi hồ sơ theo quy định. Cơ sở thiết kế có trách nhiệm bổ sung</p>	<p>+ Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 5 để đáp ứng khuyến nghị của Thanh tra Bộ GTVT về khi hồ sơ thiết kế có nội dung cần sửa đổi và cơ sở thiết kế bổ sung và hoàn thiện lại thì cần làm rõ thời gian thực hiện thẩm định lại hồ sơ thiết kế (hoặc mốc thời gian tính lại) kể từ khi CSTK hoàn thiện lại HS)</p>

<p>thiết kế. Để tiếp tục thực hiện việc thẩm định hồ sơ thiết kế ô tô, cơ sở thiết kế phải tiến hành đăng ký lại từ đầu;</p>	<p>hoàn thiện hồ sơ thiết kế trong vòng 30 ngày kể từ ngày ra thông báo. <u>Khi cơ sở thiết kế bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Cơ quan QLCL tiến hành thẩm định lại hồ sơ thiết kế theo quy định.</u> Quá thời hạn nêu trên, Cơ quan QLCL sẽ dừng việc thẩm định hồ sơ thiết kế. Để tiếp tục thực hiện việc thẩm định hồ sơ thiết kế ô tô, cơ sở thiết kế phải tiến hành đăng ký lại từ đầu;”</p>	
<p>Đoạn cuối khoản 3 Điều 5 (chưa rõ trình tự và cách thức thực hiện)</p>	<p>Bổ sung vào cuối khoản 3 Điều 5 như sau: ”Trình tự và cách thức thực hiện theo quy định khoản 2 điều này.”</p>	<p>+ Sửa đổi khoản 3 Điều 5 để đáp ứng kết luận của Thanh tra Bộ GTVT về việc làm rõ trình tự cách thức thực hiện trong trường hợp bổ sung thiết kế đã được thẩm định <i>Ghi chú: Khi viết rõ thực hiện theo tình tự , cách thức tại khoản 2 thì sẽ cần bổ sung thêm thêm 01 thủ tục hành chính mới so với trước.</i></p>
<p>Bổ sung khoản 5 Điều 5 (chưa có)</p>	<p>Bổ sung khoản 5 Điều 5 “5. Giấy chứng nhận, bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật và các bản vẽ kỹ thuật được cấp lại trong các trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp trên Giấy chứng nhận. Để được cấp cấp lại, doanh nghiệp nộp đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo các tài liệu gồm Bản gốc Giấy chứng nhận, bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật và các bản vẽ kỹ thuật đã được cấp (không áp dụng đối với trường hợp cấp lại do mất; nộp bản gốc chỉ áp dụng đối với trường hợp được cấp bản giấy), Bản sao có xác thực của doanh nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp) và gửi tới Cơ quan QLCL để xem xét thực hiện cấp lại theo trình tự và cách thức nêu tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư này.”</p>	<p>+ Bổ sung khoản 5 Điều 5 để đáp ứng khuyến nghị của Thanh tra Bộ GTVT về bổ sung đối với trường hợp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế và các tài liệu liên quan xin cấp lại hoặc bị mất rách, hỏng <i>Ghi chú: Khi viết rõ thực hiện theo tình tự , cách thức tại khoản 2 thì sẽ cần bổ sung thêm 01 thủ tục hành chính mới so với trước.</i></p>
<p>Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 7 như sau: đ) Bản thống kê các tổng thành, hệ thống sản xuất trong nước và nhập khẩu dùng để sản xuất, lắp ráp ô tô theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này và kèm theo một trong các tài liệu tương ứng đối với từng linh kiện (trừ động cơ) thuộc đối tượng phải kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận theo quy định như sau: bản sao Giấy chứng nhận chất</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 7 như sau: “đ) Bản thống kê các tổng thành, hệ thống sản xuất trong nước và nhập khẩu dùng để sản xuất, lắp ráp ô tô theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này và kèm theo một trong các tài liệu tương ứng đối với từng linh kiện (trừ động cơ) thuộc đối tượng phải kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận theo quy định như sau: Bản sao Giấy chứng nhận chất</p>	<p>Ngày 16/8/2023, Chính phủ ban hành Nghị định 60/2023/NĐ-CP quy định về việc kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô nhập khẩu và linh kiện nhập khẩu theo các điều ước quốc tế mà Việt nam là thành viên, trong đó linh kiện nhập khẩu sử dụng để lắp ráp xe ô tô nếu đáp</p>

<p>lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực được cấp bởi Cơ quan QLCL cho kiểu loại linh kiện đã được thử nghiệm theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng tại Việt Nam; bản sao văn bản xác nhận của nhà sản xuất linh kiện nước ngoài kèm theo các tài liệu kết quả chứng nhận sự phù hợp về chất lượng của các kiểu loại linh kiện nhập khẩu theo quy định tại các thỏa thuận từ các quốc gia, vùng lãnh thổ mà Việt Nam ký kết thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong lĩnh vực chứng nhận xe cơ giới; bản sao văn bản xác nhận của đại diện hợp pháp tại Việt Nam của nhà sản xuất linh kiện nước ngoài kèm theo bản sao Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực được cấp bởi Cơ quan QLCL cho kiểu loại linh kiện đã được thử nghiệm theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng tại Việt Nam;</p>	<p>lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường kiểu loại linh kiện (còn hiệu lực) được cấp bởi Cơ quan QLCL; hoặc Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường linh kiện nhập khẩu theo quy định của Nghị định 60/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 08 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô nhập khẩu và linh kiện nhập khẩu theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thông báo miễn kiểm tra linh kiện theo Nghị định 60/2023/NĐ-CP) thể hiện linh kiện được chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn UNECE phiên bản tương đương hoặc cao hơn so với phiên bản UNECE quy định trong quy chuẩn quốc gia áp dụng cho linh kiện được sử dụng để sản xuất, lắp ráp kiểu loại xe; hoặc bản sao văn bản xác nhận của nhà sản xuất linh kiện nước ngoài kèm theo các tài liệu kết quả chứng nhận sự phù hợp về chất lượng của các kiểu loại linh kiện nhập khẩu theo quy định tại các thỏa thuận từ các quốc gia, vùng lãnh thổ mà Việt Nam ký kết thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong lĩnh vực chứng nhận xe cơ giới; hoặc bản sao văn bản xác nhận của đại diện hợp pháp tại Việt Nam của nhà sản xuất linh kiện nước ngoài kèm theo bản sao Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường kiểu loại linh kiện (còn hiệu lực) được cấp bởi Cơ quan QLCL.”.</p>	<p>ứng quy định sẽ được cấp “<i>Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường linh kiện nhập khẩu</i>”. Vì vậy cần bổ sung thêm nội dung này để doanh nghiệp đã thực hiện theo quy định của Nghị định 60 thì không phải nộp lại các tài liệu (tránh phải kiểm tra đánh giá nhiều lần)</p>
<p>Điểm c khoản 1 Điều 9 c) Cơ quan QLCL kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong phạm vi 07 ngày làm việc. Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ thì Cơ quan QLCL thông báo để doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện theo quy định, nếu chưa có kết quả đánh giá COP thì Cơ quan QLCL thông báo với doanh nghiệp về thời gian, địa điểm thực hiện đánh giá COP, thời điểm đánh giá COP tối đa không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo; nội dung và phương thức đánh giá COP theo quy định tại 2 Điều 8 của Thông tư này. Sau thời hạn 03 tháng kể từ ngày ra thông báo, nếu doanh nghiệp không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc khắc phục các nội dung chưa phù hợp trong kết quả đánh giá COP thì phải thực hiện đăng ký chứng nhận chất lượng lại từ đầu</p>	<p>Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 9 như sau: ““c) Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong thời hạn 07 ngày làm việc. Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ thì thông báo để Cơ sở sản xuất bổ sung, hoàn thiện theo quy định. Trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP thì Cơ quan QLCL thống nhất với Cơ sở sản xuất về thời gian, địa điểm thực hiện; nội dung và phương thức đánh giá thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 8 của Thông tư này; kết quả sau khi kết thúc việc đánh giá COP sẽ được thông báo cho doanh nghiệp. Trường hợp có nội dung chưa phù hợp cần bổ sung, sửa đổi và khắc phục, doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung, khắc phục và hoàn thiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông báo. Khi doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hoặc khắc phục, Cơ quan QLCL tiến hành kiểm tra,</p>	<p>+ Thống nhất xử lý kết luận của Thanh tra Bộ GTVT như đã nêu tại các Thông tư 30, TT45,...(làm rõ trình tự thời gian sau khi CSSX bổ sung HS). + Bổ sung yêu cầu về việc thông báo kết quả đánh giá COP và xử lý kết quả đánh giá COP không đạt yêu cầu theo kết luận của Thanh tra bộ như nêu đối với Thông tư 30; + Xử lý nội dung chưa phù hợp trong thực tế phát sinh: khi kiểm tra hồ sơ và kết quả COP, có trường hợp Cục ĐKVN thông báo chưa có kết quả đánh giá COP và cần thực hiện đánh giá COP theo quy định nhưng không thể thực hiện đánh giá trong thời hạn 15 ngày làm việc</p>

	đánh giá lại theo quy định. Quá thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không thực hiện bổ sung, sửa đổi và khắc phục, Cơ quan QLCL dừng thực hiện kiểm tra đánh giá hồ sơ hoặc đánh giá COP; để tiếp tục thực hiện, doanh nghiệp phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu.”	như quy định vì việc thực hiện đánh giá phụ thuộc vào CSSX: việc chuẩn bị của CSSX hoặc đối với các CSSX nước ngoài phải làm các thủ tục gửi thư mời, xin cấp Visa, hộ chiếu, ...hoặc có trường hợp CSSX xin lùi thời gian đánh giá COP.
Khoản 2 Điều 10 2. Cơ sở sản xuất phải đảm bảo về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các sản phẩm xuất xưởng và thực hiện ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật. Các xe chỉ được xuất xưởng khi Giấy chứng nhận của các linh kiện thuộc đối tượng phải kiểm tra thử nghiệm và chứng nhận theo định quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này còn hiệu lực	Sửa đổi khoản 2 Điều 10 như sau: ““2. Cơ sở sản xuất phải đảm bảo về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các sản phẩm xuất xưởng và thực hiện ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật. <u>Các sản phẩm chỉ được xuất xưởng, cấp phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe ô tô khi cơ sở sản xuất tuân thủ các quy định tại Thông tư này về việc đảm bảo chất lượng sản phẩm, chứng nhận định kỳ, bổ sung Giấy chứng nhận (nếu có) và khi: Giấy chứng nhận của linh kiện còn hiệu lực hoặc Thông báo miễn kiểm tra linh kiện theo Nghị định 60/2023/NĐ-CP còn hiệu lực hoặc trường hợp Thông báo miễn kiểm tra linh kiện Nghị định 60/2023/NĐ-CP, Giấy chứng nhận linh kiện hết hiệu lực thì các linh kiện sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe phải được mua, nhập khẩu hoặc sản xuất, lắp ráp trước thời gian hết hiệu lực của Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường linh kiện nhập khẩu theo quy định của Nghị định 60/2023/NĐ-CP hoặc Giấy chứng nhận linh kiện.</u> ”	Thực tế hiện nay phát sinh một số trường hợp các linh kiện nhập khẩu theo kiểu loại đã được cấp GCN nhưng CSSX chưa lắp ráp hết và còn tồn một số lượng nhất định trong khi Giấy chứng nhận toàn xe vẫn còn hiệu lực nên CSSX không thể xuất xưởng xe. Vì vậy đề xuất viết lại quy định để xử lý trường hợp này. (Các GCN linh kiện thường được thực hiện chứng nhận trước Giấy chứng nhận xe từ 1 đến 03 tháng nên GCN linh kiện thường hết hiệu lực trước GCN xe. Vì vậy trường hợp CSSX không SX tiếp tục xe nữa mà chỉ lắp hết bộ linh kiện tồn thì sẽ bị vướng).
Điểm c Khoản 3 Điều 11 c) Cơ quan QLCL kiểm tra nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ và có kết quả đánh giá COP phù hợp thì cấp lại Giấy chứng nhận trong vòng 02 ngày làm việc đối với trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp trên Giấy chứng nhận; hoặc trong vòng 03 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận do hết hiệu lực.	Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 11 “c) Cơ quan QLCL kiểm tra nội dung hồ sơ <u>trong thời hạn 05 ngày làm việc</u> , nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và có kết quả đánh giá COP phù hợp thì cấp lại Giấy chứng nhận trong thời hạn 02 ngày làm việc đối với trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp trên Giấy chứng nhận; hoặc trong thời hạn 03 ngày đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận do hết hiệu lực.”	Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 11 để đáp ứng kết luận của Thanh tra Bộ về việc quy định rõ thời gian đánh giá HS trong trường hợp cấp lại GCN.
Điểm c khoản 3 Điều 12 (Cấp mở rộng, bổ sung Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại sản phẩm) c) Cơ quan QLCL kiểm tra nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và có kết quả đánh giá COP phù hợp thì cấp Giấy chứng nhận mở rộng trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ hợp lệ. Trường hợp bổ sung hồ sơ thì ghi nhận và bổ sung các	Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 12 “c) Cơ quan QLCL kiểm tra nội dung hồ sơ <u>trong thời hạn 05 ngày làm việc</u> , nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và có kết quả đánh giá COP phù hợp thì cấp Giấy chứng nhận mở rộng trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ; trường hợp bổ sung hồ sơ thì ghi nhận và bổ sung các nội dung thay	Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 12 để đáp ứng kết luận của Thanh tra Bộ về việc quy định rõ thời gian đánh giá HS trong trường hợp bổ sung, mở rộng GCN.

nội dung thay đổi vào hồ sơ đăng ký chứng nhận của kiểu loại sản phẩm đã cấp. Nếu có các nội dung không hợp lệ thì Cơ quan QLCL thông báo cho doanh nghiệp để hoàn thiện hồ sơ.	đổi vào hồ sơ đăng ký chứng nhận của kiểu loại sản phẩm đã cấp. Nếu có các nội dung không hợp lệ thì cơ quan QLCL thông báo cho Cơ sở sản xuất để hoàn thiện	
Đoạn đầu của khoản 1 Điều 13 Cơ quan QLCL yêu cầu cơ sở sản xuất tạm dừng xuất xưởng của kiểu loại sản phẩm nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:	Sửa đổi đoạn đầu của khoản 1 Điều 13 “Cơ quan QLCL thông báo bằng văn bản tới Cơ sở sản xuất yêu cầu tạm dừng xuất xưởng và tạm dừng cấp phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của kiểu loại sản phẩm (tạm dừng xuất xưởng) nếu có lỗi vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau đây:”	Bổ quy định rõ về việc thông báo khi xử lý vi phạm (tiếp thu ý kiến của Thanh tra Bộ GTVT)
Điểm d khoản 1 Điều 13 (chưa có)	Bổ sung điểm d khoản 1 Điều 13 như sau “d) Không lập đầy đủ hồ sơ cho ô tô xuất xưởng theo quy định tại khoản 4 Điều 10 của Thông tư này; có các vi phạm quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền; có các vi phạm quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền.”	Qua ra soát thực tế cũng như một số nội dung trong quá trình làm việc với đoàn Thanh tra thì đối với các trường hợp chưa có quy định rõ để xử lý như :trường hợp đkhông cung cấp sách hướng dẫn sử dụng, vi phạm về sở hữu trí tuệ,...Vì vậy cần bổ sung sửa đổi để có quy định xử lý phù hợp;
Điểm c khoản 2 Điều 13 (chưa có)	Bổ sung điểm c khoản 2 Điều 13 như sau “c) Không hợp tác, cố tình che giấu thông tin, cung cấp thông tin không trung thực trong quá trình xác minh lỗi vi phạm, lỗi của sản phẩm có khuyết tật; không thực hiện triệu hồi các sản phẩm có khuyết tật thuộc từ 02 kiểu loại sản phẩm trở lên theo yêu cầu của Cơ quan QLCL.”	Qua ra soát thực tế cũng như một số nội dung trong quá trình làm việc với đoàn Thanh tra thì đối với các trường hợp chưa có quy định rõ để xử lý như :CSSX che giấu thông tin, lỗi vi phạm, cố tình không hợp tác, cố tình không thực hiện triệu hồi sản phẩm theo yêu cầu của Cơ quan QLCL. Vì vậy cần bổ sung sửa đổi để có quy định xử lý phù hợp; Tiếp thu ý kiến của Thanh tra Bộ tại văn bản số 1209/TTr-TTCN ngày 05/10/2023 (thay thế cụm từ “điều tra” bằng “xác minh”)
Đoạn cuối Khoản 4 Điều 13 “Nếu doanh nghiệp có nhu cầu tiếp tục sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu kiểu loại sản phẩm bị thu hồi Giấy chứng nhận thì phải thực hiện thẩm định lại thiết kế và chứng nhận lại như đối với sản phẩm mới.” (đoạn cuối cùng khoản 4)	Bổ đoạn “Nếu doanh nghiệp có nhu cầu tiếp tục sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu kiểu loại sản phẩm bị thu hồi Giấy chứng nhận thì phải thực hiện thẩm định lại thiết kế và chứng nhận lại như đối với sản phẩm mới.” nêu tại khoản 4	+ Đối với các trường hợp GCN bị thu hồi do vi phạm nghiêm trọng các quy định mà không có biện pháp khắc phục triệt để thì không cho phép SXLR lại. + Ngoài ra, hiện nay Bộ GTVT đã cho phép miễn kiểm định lần đầu. Vì vậy cần tăng cường chế tài xử lý đối với các CSSX có vi phạm nghiêm trọng quy định trong SXLR. + Tiếp thu ý kiến của Vụ vận tải

<p>Điểm đ khoản 1 Điều 16. Triệu hồi sản phẩm</p>	<p>Sửa đổi điểm đ khoản 1 Điều 16 “đ) Định kỳ trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, cơ sở sản xuất phải báo cáo kết quả thực hiện của các chương trình triệu hồi sản phẩm đang thực hiện tới Cơ quan QLCL theo mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này. Sau thời gian không quá 30 ngày kể từ khi kết thúc việc triệu hồi, Cơ sở sản xuất phải báo cáo bằng văn bản về kết quả thực hiện triệu hồi tới Cơ quan QLCL.”.</p>	<p>Trước đây khi dự thảo Thông tư 25 thì quan điểm của Bộ là để CSSX tự chủ thực hiện và chỉ cần báo cáo khi kết thúc chương trình mà không cần quy định thời gian báo cáo định kỳ. Với kiến nghị của Thanh tra về việc “Bổ sung thời gian, Trách nhiệm CSSX định kỳ báo cáo kết quả triệu hồi” thì cần xem xét bổ sung sửa đổi điểm đ khoản 1 Điều 16.</p>
<p>Khoản 10 Điều 17. Trách nhiệm của Cơ quan QLCL (chưa rõ)</p>	<p>Bổ sung khoản 10 Điều 17 “10. Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện triệu hồi của cơ sở sản xuất để theo dõi việc thực hiện triệu hồi của Cơ sở sản xuất theo kế hoạch triệu hồi đã công bố.”.</p>	<p>Với kiến nghị của Thanh tra về việc “Bổ sung trách nhiệm Cơ quan QLCL theo dõi kết quả việc thực hiện chương trình triệu hồi” thì cần xem xét bổ sung thêm khoản 10 Điều 17</p>
<p>Phụ lục IV</p>	<p>Thay thế Phụ lục IV của Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT bằng Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này; Bổ sung Phụ lục XII vào Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT tương ứng Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này</p>	<p>Theo phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT tại tiêu đề “<i>Hạng mục kiểm tra, thử nghiệm (*)</i>” có đánh dấu (*) và được chú thích rõ tại mục ghi chú như sau: “(*) Theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định hiện hành; ». Do đó, đối với hạng mục kiểm tra, thử nghiệm “<i>An toàn chống cháy của vật liệu sử dụng trong kết cấu nội thất của xe cơ giới</i>” thì các đối tượng phải áp dụng kiểm tra, thử nghiệm sẽ được quy định trong tiêu chuẩn, quy chuẩn và cụ thể là QCVN53:2019/BGTVT. Vì vậy, với kết luận của Thanh tra Bộ về việc xem xét “Sửa đổi quy định thống nhất về kiểm tra an toàn chống cháy của vật liệu sử dụng trong kết cấu nội thất xe cơ giới không thống nhất với QCVN53:2019/BGTVT” có thể xem xét sửa đổi làm rõ hơn trong các lần sửa đổi thông tư hoặc thay thế bằng thông tư mới. Tuy nhiên, để đáp ứng kết luận của Thanh tra có thể thay thế phụ lục này bằng phụ lục mới, cụ thể sửa các nội dung liên quan như sau:</p>

		<p>Với kiến nghị của Thanh tra về việc “Sửa đổi quy định thống nhất về kiểm tra an toàn chống cháy của vật liệu sử dụng trong kết cấu nội thất xe cơ giới không thống nhất với QCVN53:2019/BGTVT” thì cần xem xét sửa đổi lại tiêu đề về hạng mục kiểm tra thử nghiệm bổ sung liên quan trong Phụ lục IV, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thay thế nội dung “<i>An toàn chống cháy của vật liệu sử dụng trong kết cấu nội thất của xe cơ giới</i>” tại mục 16 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT bằng “<i>An toàn chống cháy của vật liệu sử dụng trong kết cấu nội thất của xe cơ giới (áp dụng đối với ô tô khách có khối lượng toàn bộ lớn hơn 5 tấn và có số người cho phép chở từ 22 người trở lên (kể cả người lái), không áp dụng cho ô tô khách thành phố)</i>” + Vành hợp kim nhẹ ghi rõ chỉ áp dụng cho xe ô tô con và xe dưới 3,5 tấn. <p style="text-align: right;">- Bổ sung phụ lục XII theo quy định về chế độ báo cáo</p>
<p>Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe cơ giới (sau đây viết tắt là Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT)</p>		
<p>Điểm a khoản 5 Điều 5 a) Trong trường hợp có thay đổi, bổ sung thiết kế sản phẩm so với hồ sơ thiết kế đã được thẩm định thì Cơ sở sản xuất hoặc Cơ sở thiết kế sản phẩm đó phải có văn bản và hồ sơ thiết kế bổ sung, sửa đổi đề nghị Cơ quan QLCL thẩm định nội dung bổ sung, sửa đổi đó.</p>	<p>Bổ sung sửa đổi điểm a khoản 5 Điều 5 như sau: “a) Trường hợp có thay đổi, bổ sung thiết kế sản phẩm so với hồ sơ thiết kế đã được thẩm định thì Cơ sở sản xuất hoặc Cơ sở thiết kế sản phẩm đó phải có văn bản và hồ sơ thiết kế bổ sung, sửa đổi đề nghị Cơ quan QLCL thẩm định nội dung bổ sung, sửa đổi đó theo trình tự và cách thức thực hiện nêu tại khoản 6 Điều này.”.</p>	<p>+ Sửa đổi điểm a khoản 5 Điều 5 để đáp ứng khuyến nghị của Thanh tra Bộ GTVT về làm rõ trình tự cách thức thực hiện trong trường hợp bổ sung thiết kế đã được thẩm định <i>Ghi chú: Khi nêu rõ thực hiện theo tình tự, cách thức tại khoản 6 thì sẽ cần bổ sung thêm thêm 01 thủ tục hành chính mới so với trước.</i></p>
<p>Điểm d khoản 6 Điều 5 d)¹² Thời hạn giải quyết: Thẩm định nội dung thiết kế được thực hiện trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ thiết kế có kết</p>	<p>Bổ sung sửa đổi điểm d khoản 6 Điều 5 như sau: “d) Thời hạn giải quyết: Thẩm định nội dung thiết kế được thực hiện trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận</p>	<p>+ Sửa đổi để làm rõ thời gian cấp Giấy chuvsngn hạn thẩm định thiết kế từ khi thẩm định nội dung HS thiết kế đạt yêu cầu theo kết luận Thanh Tra Bộ’</p>

<p>quả thẩm định đạt yêu cầu (hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu), Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu.</p> <p><i>Ghi chú:</i> ⁽¹²⁾ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 08 năm 2022.</p>	<p>được đủ thành phần hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ thiết kế có kết quả thẩm định đạt yêu cầu (hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu), Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu.</p> <p>Trường hợp hồ sơ thiết kế có nội dung cần bổ sung, sửa đổi, Cơ sở thiết kế có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thiết kế trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông báo. Khi cơ sở thiết kế bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Cơ quan QLCL thực hiện thẩm định lại hồ sơ theo quy định. Quá thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không thực hiện bổ sung, sửa đổi, Cơ quan QLCL sẽ dừng việc thẩm định hồ sơ thiết kế; để tiếp tục thực hiện việc thẩm định hồ sơ thiết kế, Cơ sở thiết kế phải tiến hành nộp hồ sơ lại từ đầu.”.</p>	<p>+ Sửa đổi để làm rõ thời gian hoàn trả hồ sơ; thời gian thông báo bổ sung sửa đổi; thời gian CSTK phải hoàn thiện HSTK theo kết luận của Thanh tra Bộ</p>
<p>Khoản 7 Điều 5 (chưa có)</p>	<p>Bổ sung khoản 7 Điều 5 như sau: “7. Giấy chứng nhận, bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật và các bản vẽ kỹ thuật được cấp lại trong các trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp trên Giấy chứng nhận. Để được cấp cấp lại, doanh nghiệp có văn bản đề nghị cấp lại kèm theo các tài liệu gồm Bản gốc Giấy chứng nhận, bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật và các bản vẽ kỹ thuật đã được cấp (không áp dụng đối với trường hợp cấp lại do mất; nộp bản gốc chỉ áp dụng đối với trường hợp được cấp bản giấy), Bản sao có xác thực của doanh nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp) và gửi tới Cơ quan QLCL để xem xét thực hiện cấp lại trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định theo trình tự và cách thức thực hiện nêu tại khoản 6 Điều này.”.</p>	<p>+ Bổ sung khoản 7 Điều 5 để đáp ứng kết luận của Thanh tra Bộ GTVT về bổ sung thủ tục thẩm định TK khi cấp lại, mất rách, hỏng</p> <p><i>Ghi chú: Khi viết rõ thực hiện theo tình tự, cách thức tại khoản 2 thì sẽ cần bổ sung thêm 01 thủ tục hành chính mới so với trước.</i></p>
<p>Khoản 2 Điều 6 Kiểm tra, thử nghiệm 2. Cơ sở thử nghiệm tiến hành thử nghiệm mẫu điển hình theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định hiện hành của Bộ Giao thông vận tải đối với xe cơ giới; lập báo cáo kết quả thử nghiệm và chịu trách nhiệm về các kết quả thử nghiệm của</p>	<p>Sửa đổi khoản 2 Điều 6 “2. Cơ sở thử nghiệm tiến hành thử nghiệm mẫu điển hình theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định hiện hành của Bộ Giao thông vận tải đối với xe cơ giới; lập báo cáo kết quả thử nghiệm và chịu trách nhiệm về các kết quả thử nghiệm của mình. Trường hợp cần phải trực tiếp cùng đánh giá các hạng</p>	<p>Sửa đổi để làm rõ kết luận của Thanh tra Bộ đối với việc làm rõ quy định Cơ quan QLCL thực hiện giám sát việc thử nghiệm.</p>

<p>mình. Trường hợp cần thiết, Cơ quan QLCL có thể trực tiếp giám sát việc thử nghiệm.</p>	<p>mục quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định, đánh giá quá trình thực hiện kiểm tra, thử nghiệm sản phẩm để làm căn cứ xác nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của kiểu loại sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định, Cơ quan QLCL thực hiện giám sát trực tiếp việc thử nghiệm sản phẩm tại cơ sở thử nghiệm.”.</p>	
<p>Điểm c khoản 1 Điều 8</p> <p>c) Có kỹ thuật viên chịu trách nhiệm về chất lượng xuất xưởng xe cơ giới được Nhà sản xuất nước ngoài (bên chuyên giao công nghệ) hoặc Cơ quan QLCL bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra chất lượng phù hợp với loại sản phẩm sản xuất, lắp ráp.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 54/2014/TT-BGTVT như sau:</p> <p>“c) Có nhân viên kiểm tra đáp ứng được nghiệp vụ kiểm tra chất lượng và khả năng sử dụng trang thiết bị kiểm tra trong công đoạn sản xuất, kiểm tra chất lượng xuất xưởng sản phẩm.”.</p>	<p>Sửa đổi quy định đối với kỹ thuật viên để thống nhất với Điều 8 Thông tư 25/2019/TT-BGTVT theo kết luận của Thanh tra Bộ</p>
<p>Điểm b khoản 2 Điều 8</p> <p>b) Đánh giá hàng năm được thực hiện định kỳ hàng năm để kiểm tra việc duy trì các điều kiện kiểm tra chất lượng tại Cơ sở sản xuất. Kiểm tra việc lưu trữ hồ sơ kiểm tra sản phẩm và sự phù hợp của sản phẩm xuất xưởng so với các chỉ tiêu chất lượng đăng ký trong hồ sơ kiểm tra sản phẩm tại Cơ sở sản xuất được thực hiện theo phương thức kiểm tra xác suất. Việc mở rộng phạm vi kiểm tra, đánh giá được thực hiện khi có sự không phù hợp trong quá trình sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 54/2014/TT-BGTVT như sau:</p> <p>“b) <i>Đánh giá hàng năm</i> (chu kỳ thực hiện 12 tháng đối với các kỳ đánh giá tiếp theo) được thực hiện định kỳ hàng năm để kiểm tra việc duy trì việc đảm bảo chất lượng tại Cơ sở sản xuất. Kiểm tra việc lưu trữ hồ sơ kiểm tra sản phẩm, sự phù hợp của sản phẩm xuất xưởng so với các chỉ tiêu chất lượng đăng ký trong hồ sơ kiểm tra sản phẩm và việc quản lý, sử dụng Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng được thực hiện theo phương thức kiểm tra xác suất. Việc mở rộng phạm vi kiểm tra, đánh giá được xem xét thực hiện khi có sự không phù hợp trong quá trình sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng.”.</p>	<p>Làm rõ quy định đánh giá COP định kỳ hàng năm theo kết luận của Thanh tra Bộ</p>
<p>Gạch đầu dòng thứ 3 điểm a khoản 2 Điều 9</p> <p>- Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra nội dung hồ sơ và thực hiện đánh giá điều kiện kiểm tra chất lượng sản phẩm tại Cơ sở sản xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư này: Nếu chưa đạt yêu cầu thì thông báo để Cơ sở sản xuất hoàn thiện lại; Nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 3 điểm a khoản 2 Điều 9 như sau:</p> <p>“- Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong thời hạn 07 ngày làm việc. Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ thì thông báo để doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện theo quy định. Trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP thì Cơ quan QLCL thống nhất với doanh nghiệp về thời gian, địa điểm thực hiện; nội dung và phương thức</p>	<p>+ Sửa đổi, bổ sung liên quan đến việc làm rõ thời gian đánh giá hồ sơ, thời gian hoàn trả hồ sơ trong trường hợp HS không đầy đủ theo quy định; Thời gian thông báo bổ sung sửa đổi HS nếu HS không đạt yêu cầu; Thời gian CSTK phải hoàn thiện HSTK để đáp ứng kết luận của Thanh tra Bộ;</p>

	<p>đánh giá thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 8 của Thông tư này; kết quả sau khi kết thúc việc đánh giá COP sẽ được thông báo cho doanh nghiệp. Trường hợp có nội dung chưa phù hợp cần bổ sung, sửa đổi và khắc phục, doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung, khắc phục và hoàn thiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông báo. Khi doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hoặc khắc phục, Cơ quan QLCL tiến hành kiểm tra, đánh giá lại theo quy định. Quá thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không thực hiện bổ sung, sửa đổi và khắc phục, Cơ quan QLCL dừng thực hiện kiểm tra đánh giá hồ sơ hoặc đánh giá COP; để tiếp tục thực hiện, doanh nghiệp phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu.”.</p>	<p>+ Bổ sung quy định về việc thông báo kết quả sau khi thực hiện đánh giá COP và xử lý đối với trường hợp kết quả đánh giá COP không đạt yêu cầu theo kết luận Thanh tra Bộ.</p>
<p>Khoản 1 Điều 10 1.Sau khi sản phẩm được cấp giấy chứng nhận, Cơ sở sản xuất tiến hành sản xuất hàng loạt, kiểm tra chất lượng trong suốt quá trình sản xuất, lắp ráp cho từng sản phẩm và phải đảm bảo các sản phẩm này đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật như hồ sơ kiểm tra sản phẩm và mẫu điển hình đã được chứng nhận.</p> <p><i>Ghi chú: Nội dung này của Điều 10 được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 54/2014/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe cơ giới, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2014.</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT “1. Sau khi sản phẩm được cấp giấy chứng nhận, Cơ sở sản xuất tiến hành sản xuất hàng loạt, kiểm tra chất lượng trong suốt quá trình sản xuất, lắp ráp cho từng sản phẩm và phải đảm bảo các sản phẩm này đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với hồ sơ kiểm tra sản phẩm và mẫu điển hình đã được chứng nhận. Cơ sở sản xuất chỉ được xuất xưởng sản phẩm, cấp phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng cho xe cơ giới khi tuân thủ các quy định tại Thông tư này về việc đảm bảo chất lượng sản phẩm, đánh giá kiểu loại sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận.”</p>	<p>Sửa lại để đảm bảo và làm rõ quy định trong hoạt động SXLR: các CXSX không tiếp tục kiểm tra xuất xưởng, cấp phiếu xuất xưởng của các loại sản phẩm đang vi phạm, đang có lỗi,... đưa ra thị trường</p>
<p>Đoạn cuối khoản 3 Điều 11 “Cơ quan QLCL sẽ tiếp nhận, kiểm tra các tài liệu bổ sung để xem xét, đánh giá và cấp Giấy chứng nhận.”</p>	<p>Sửa đổi đoạn cuối khoản 3 Điều 11 như sau: “Cơ quan QLCL sẽ tiếp nhận, kiểm tra các tài liệu bổ sung để đánh giá nội dung hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận theo trình tự, cách thức nêu tại Điều 9 của Thông tư này. Trường hợp sản phẩm có sự thay đổi kết cấu, bố trí và loại thiết bị lắp đặt trên xe ảnh hưởng đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kiểu loại sản phẩm đã chứng nhận, so với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc có các thay đổi làm thay đổi thông số in trên Giấy chứng nhận đã cấp thì Giấy chứng nhận được cấp được căn cứ trên Giấy chứng nhận của kiểu loại xe thay đổi;</p>	<p>Viết lại để làm rõ trình tự, cách thức thực hiện để đáp ứng kết luận Thanh tra Bộ. <i>Ghi chú: Trường hợp bổ sung thêm trình tự thủ tục cấp GCN mở rộng, bổ ứng GCN sẽ <u>phát sinh thêm thủ tục hành chính</u></i></p>

	các trường hợp khác thì ghi nhận, bổ sung các nội dung thay đổi đối với kiểu loại sản phẩm đã cấp.”.	
Khoản 6 Điều 11 (Chưa có quy định)	Bổ sung khoản khoản 6 Điều 11 của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT như sau: “6. Giấy chứng nhận được cấp lại trong các trường hợp bị mất, hỏng hoặc có sự thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp trên Giấy chứng nhận, Cơ sở sản xuất nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua hình thức khác các tài liệu liên quan đến việc đề nghị cấp lại giấy chứng nhận. Cơ quan QLCL sẽ tiếp nhận, kiểm tra các tài liệu để cấp lại Giấy chứng nhận theo trình tự và cách thức nêu tại Điều 9 của Thông tư này.”	Để giải quyết khuyến nghị của Thanh tra Bộ đã nêu ở trên <i>Ghi chú: Trường hợp bổ sung thêm trình tự thủ tục cấp lại GCN khi bị mất, rách , hỏng sẽ <u>phát sinh thêm thủ tục hành chính</u></i>
Sửa đổi Phụ lục IV, VII, IX	Thay thế Phụ lục IV, VII, IX	+ Rà soát và sửa đổi một số nội dung liên quan nhằm đảm bảo sự phù hợp với thực tế; + Rà soát và thay thế các phụ lục liên quan nhằm đảm bảo tính phù hợp với đối tượng tại Thông tư (do một số đối tượng đã được tách ra đưa vào Thông tư 25);
Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT ngày 25 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy (sau đây viết tắt là Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT)		
Điều 4. Thử nghiệm mẫu điển hình b) Trường hợp cần thiết, Cơ quan QLCL trực tiếp giám sát việc thử nghiệm	Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT “b) Trường hợp cần phải trực tiếp cùng đánh giá các hạng mục quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định, đánh giá quá trình thực hiện kiểm tra, thử nghiệm sản phẩm để làm căn cứ xác nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của kiểu loại sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định, Cơ quan QLCL thực hiện giám sát trực tiếp việc thử nghiệm sản phẩm tại cơ sở thử nghiệm.”	Sửa đổi để làm rõ kết luận của Thanh tra Bộ đối với việc làm rõ quy định Cơ quan QLCL thực hiện giám sát việc thử nghiệm.
Điểm c khoản 1 Điều 6 như sau: c) Có kỹ thuật viên chịu trách nhiệm về chất lượng xe xuất xưởng được Nhà sản xuất nước ngoài (bên chuyên giao công nghệ) hoặc Cơ quan QLCL cấp chứng chỉ nghiệp vụ kiểm tra chất lượng phù hợp với loại sản phẩm sản xuất, lắp ráp	Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 6 như sau: “c) Có nhân viên kiểm tra đáp ứng được nghiệp vụ kiểm tra chất lượng và khả năng sử dụng trang thiết bị kiểm tra trong công đoạn sản xuất, kiểm tra chất lượng xuất xưởng sản phẩm.”.	Sửa đổi quy định đối với kỹ thuật viên để thống nhất với Điều 8 Thông tư 25/2019/TT-BGTVT theo kết luận của Thanh tra Bộ.

<p>Sửa đổi, bổ sung điểm a và b khoản 2 Điều 6 như sau:</p> <p>a) Đánh giá COP lần đầu được thực hiện khi cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho kiểu loại sản phẩm;</p> <p>b) Đánh giá COP hàng năm được thực hiện định kỳ hàng năm;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm a và b khoản 2 Điều 6 như sau:</p> <p>“a) <i>Đánh giá lần đầu</i> được thực hiện trước khi cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho kiểu loại sản phẩm mới lần đầu sản xuất, lắp ráp tại cơ sở sản xuất theo các nội dung nêu tại khoản 1 Điều này.</p> <p>b) <i>Đánh giá hàng năm</i> (chu kỳ thực hiện 12 tháng đối với các kỳ đánh giá tiếp theo) được thực hiện định kỳ hàng năm để kiểm tra việc duy trì việc đảm bảo chất lượng tại Cơ sở sản xuất. Kiểm tra việc lưu trữ hồ sơ kiểm tra sản phẩm, sự phù hợp của sản phẩm xuất xưởng so với các chỉ tiêu chất lượng đăng ký trong hồ sơ kiểm tra sản phẩm và việc quản lý, sử dụng Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng được thực hiện theo phương thức kiểm tra xác suất. Việc mở rộng phạm vi kiểm tra, đánh giá được xem xét thực hiện khi có sự không phù hợp trong quá trình sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng.”</p>	<p>Làm rõ quy định nội dung đánh giá, thời gian đánh giá COP định kỳ hàng năm theo kết luận của Thanh tra Bộ</p>
<p>Khoản 3 Điều 7. Cấp giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại</p> <p>3.4 Cơ quan QLCL tiến hành kiểm tra nội dung hồ sơ và thực hiện đánh giá COP theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư này: Nếu chưa đạt yêu cầu thì thông báo để Cơ sở sản xuất hoàn thiện lại; Nếu đạt yêu cầu, trong phạm vi 04 ngày kể từ ngày hồ sơ đăng ký đầy đủ theo quy định và kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu sẽ cấp Giấy chứng nhận cho kiểu loại sản phẩm theo mẫu tương ứng được quy định tại Phụ lục VIIa và VIIb ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p><i>Ghi chú:</i> ⁽⁴⁾ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.</p>	<p>Sửa đổi Khoản 3 Điều 7 như sau:</p> <p>3. Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong thời hạn 07 ngày làm việc. Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ thì thông báo để doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện theo quy định. Trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP thì Cơ quan QLCL thống nhất với doanh nghiệp về thời gian, địa điểm thực hiện; nội dung và phương thức đánh giá thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 6 của Thông tư này; kết quả sau khi kết thúc việc đánh giá COP sẽ được thông báo cho doanh nghiệp. Nếu đạt yêu cầu, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tương ứng được quy định tại Phụ lục VIIa và VIIb ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể sau từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu.</p> <p>Trường hợp có nội dung chưa phù hợp cần bổ sung, sửa đổi và khắc phục, doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung, khắc phục và hoàn thiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông báo. Khi doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hoặc khắc phục, Cơ quan QLCL tiến hành kiểm tra, đánh giá lại theo quy định. Quá thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không thực hiện bổ</p>	<p>Qua rà soát thì cần sửa đổi các nội dung trong Điều 7 liên quan đến thời gian để đảm bảo phù hợp với các kết luận của Thanh tra Bộ tại các Thông tư khác như:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quy định rõ thời gian xem xét đánh giá hồ sơ (07 ngày) thống nhất với các thông tư khác; đảm bảo để triển khai khi thực hiện trên hệ thống trực tuyến; + Sửa đổi thời gian cấp GCN (từ 04 xuống còn 03 ngày) + Thời gian hoàn trả hồ sơ trong trường hợp HS không đầy đủ theo quy định; Thời gian thông báo bổ sung sửa đổi HS nếu HS không đạt yêu cầu; Thời gian CSTK phải hoàn thiện HSTK (kết luận của Thanh tra Bộ). + Bổ sung quy định về việc thông báo kết quả sau khi thực hiện đánh giá COP và xử lý đối với trường hợp kết quả đánh giá COP không đạt yêu cầu theo kết luận Thanh tra Bộ.

	<p>sung, sửa đổi và khắc phục, Cơ quan QLCL dừng thực hiện kiểm tra đánh giá hồ sơ hoặc đánh giá COP; để tiếp tục thực hiện, doanh nghiệp phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu.”.</p>	
<p>Khoản 1 Điều 8 1. Cơ sở sản xuất chỉ được tiến hành sản xuất, lắp ráp các sản phẩm tiếp theo sau khi đã được cấp Giấy chứng nhận cho kiểu loại sản phẩm đó và phải đảm bảo các sản phẩm này phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận, mẫu điển hình đã được thử nghiệm và chứng nhận chất lượng kiểu loại. Cơ sở sản xuất phải chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các sản phẩm xuất xưởng.</p>	<p>Sửa đổi khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau: “1. Cơ sở sản xuất chỉ được tiến hành sản xuất, lắp ráp, xuất xưởng và cấp phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng cho các sản phẩm tiếp theo sau khi đã được cấp Giấy chứng nhận cho kiểu loại sản phẩm và tuân thủ các quy định tại Thông tư này về việc đảm bảo chất lượng sản phẩm, đánh giá hàng năm, đánh giá bổ sung Giấy chứng nhận và phải đảm bảo các sản phẩm này đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận, mẫu điển hình đã được thử nghiệm của kiểu loại sản phẩm đã được chứng nhận chất lượng. Cơ sở sản xuất phải chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các sản phẩm xuất xưởng.”</p>	<p>Sửa lại để đảm bảo và làm rõ quy định trong hoạt động SXLR: các CXSX không tiếp tục kiểm tra xuất xưởng, cấp phiếu xuất xưởng của các loại sản phẩm đang vi phạm, đang có lỗi,... đưa ra thị trường</p>
<p>Gạch đầu dòng thứ 2 thuộc điểm a khoản 3 Điều 8: - Cơ sở sản xuất vi phạm các quy định liên quan đến kiểm tra chất lượng nhưng chưa đến mức phải thu hồi Giấy chứng nhận.</p>	<p>Sửa đổi gạch đầu dòng thứ 2 thuộc điểm a khoản 3 Điều 8 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau: “- Cơ sở sản xuất có một trong các lỗi vi phạm nêu tại khoản 4 Điều 10 của Thông tư này hoặc trường hợp sau mỗi đợt giám sát có kết quả thể hiện chất lượng sản phẩm không ổn định hoặc vẫn có các vi phạm, không tuân thủ quy định trong đợt giám sát.”</p>	<p>Bổ sung sửa đổi để xử lý đáp ứng kết luận của Thanh tra liên quan đến quy định chưa rõ trong trường hợp CSSX phải giám sát nhưng có chất lượng sản phẩm không ổn định sau mỗi đợt giám sát.</p>
<p>Sửa đổi khoản 7 Điều 8 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau 7. Hồ sơ xuất xưởng Cơ sở sản xuất có trách nhiệm lập và cấp cho từng sản phẩm xuất xưởng các hồ sơ sau đây: a) Đối với động cơ, khung: Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng; b) Đối với xe mô tô, xe gắn máy: Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định tại khoản 6 Điều này, Hướng dẫn sử dụng, Phiếu bảo hành sản phẩm.</p>	<p>Sửa đổi khoản 7 Điều 8 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau “7. Cơ sở sản xuất có trách nhiệm lập và cấp cho từng xe xuất xưởng 01 hồ sơ sau đây: a) Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định tại khoản 6 Điều này; b) Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt trong đó có thể hiện thông số kỹ thuật cơ bản của xe và hướng dẫn sử dụng xe; c) Sổ bảo hành hoặc phiếu bảo hành sản phẩm bằng tiếng Việt trong đó ghi rõ điều kiện bảo hành và tên, địa chỉ các cơ sở bảo hành, bảo dưỡng.”</p>	<p>Sửa đổi nội dung này với lý do: Hiện nay, đối với khung, động cơ, các CSSX kiến nghị chỉ cần có biển treo hoặc đóng dấu “PASS” hoặc “OK” để nhận biết sản phẩm đã được kiểm tra chất lượng đạt yêu cầu; không nên bắt buộc phải lập từng phiếu xuất xưởng như đối với xe. Vì vậy, qua nghiên cứu và xem xét thì chỉ nên quy định đối với xe, không quy định bắt buộc với linh kiện là khung, động cơ. Hình thức thể hiện khung, động cơ đã được kiểm tra đạt do CSSX tự quyết định.</p>
<p>Khoản 8 Điều 8 (chưa có)</p>	<p>Bổ sung khoản 8 Điều 8 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT:</p>	<p>Chế tài, hướng dẫn thực hiện về nội dung này chưa có → Đề xuất sửa đổi phát sinh mới để</p>

	<p>5. Cơ sở sản xuất không sử dụng khung xe, động cơ có số khung, số động cơ bị tẩy xoá, đục sửa và đóng lại để sản xuất, lắp ráp thành xe. Trường hợp số khung, số động cơ đóng trong nước bị lỗi do thao tác của nhân viên hoặc bị mờ, khó đọc thì giữ nguyên hiện trạng số đã đóng sai và thông báo bằng văn bản tới Cơ quan QLCL để xem xét, đóng lại.</p>	<p>xử lý đối với các trường hợp đóng khung, số động cơ bị lỗi, tránh trường hợp mài xoá, đục sửa lại số khung, số động cơ với mục đích xấu.</p>
<p>Điều 9 Kiểm tra chất lượng sản phẩm lưu thông trên thị trường</p>	<p>Bãi bỏ Điều 9</p>	<p>Theo khuyến nghị của Thanh tra Bộ GTVT có đề nghị bổ sung việc kiểm tra chất lượng sản phẩm lưu thông trên thị trường vào các thông tư liên quan. Tuy nhiên qua rà soát lại thì:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hiện nay, Bộ GTVT chưa có thông tư quy định về kiểm soát viên chất lượng để thực hiện theo các quy định của Thông tư 45 và Luật chất lượng sản phẩm; + Thông tư hướng dẫn việc thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm trên thị trường: cách lấy mẫu, chi phí thực hiện và việc xử lý mẫu, ... + Việc áp dụng phương thức quản lý chất lượng hiện nay đang chủ yếu áp dụng phương thức quản lý tương tự Phương thức 3: Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất được quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ KHCN quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. <p>Với lý do trên nên trong thời gian chờ sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp và có đủ điều kiện thực hiện quy định nên đề xuất bãi bỏ . Khi Luật giao thông đường bộ mới ban hành sẽ xem xét quy định lại để thực hiện.</p>

<p>Đoạn đầu của Khoản 2 Điều 10</p> <p>2. Cơ sở sản xuất phải tiến hành các thủ tục chứng nhận bổ sung khi các quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến kiểu loại sản phẩm đã được chứng nhận thay đổi hoặc khi sản phẩm có các thay đổi ảnh hưởng tới sự phù hợp của kiểu loại sản phẩm đó so với quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Cơ sở sản xuất nộp bổ sung các tài liệu sau:</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu của khoản 2 Điều 10 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:</p> <p>“2. Cơ sở sản xuất phải tiến hành các thủ tục chứng nhận bổ sung khi các quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến kiểu loại sản phẩm đã được chứng nhận thay đổi hoặc khi sản phẩm có các thay đổi ảnh hưởng tới sự phù hợp của kiểu loại sản phẩm đó so với quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Cơ sở sản xuất phải nộp hồ sơ bổ sung và gửi tới Cơ quan QLCL để được tiếp nhận, kiểm tra và đánh giá nội dung hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận theo trình tự và cách thức nêu tại Điều 7 của Thông tư này. Trường hợp sản phẩm có sự thay đổi kết cấu, bố trí trên xe không ảnh hưởng đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kiểu loại sản phẩm đã chứng nhận, so với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc không làm thay đổi thông số in trên Giấy chứng nhận đã cấp thì chỉ ghi nhận, bổ sung các nội dung thay đổi đối với kiểu loại sản phẩm đã cấp đã được cấp Giấy chứng nhận. Hồ sơ bổ sung bao gồm các tài liệu sau:”</p>	<p>Qua rà soát nội dung Điều 10, Thanh tra Bộ có kết luận về nội dung “Trình tự thủ tục cấp lại trong trường hợp mất, rách hỏng, cấp mở rộng, bổ sung giấy chứng nhận” tại các Thông tư. Vì vậy, việc sửa đổi nội dung này nhằm đáp ứng kết luận của Thanh tra Bộ liên quan đến trình tự bổ sung hồ sơ kiểu loại đã được chứng nhận.</p> <p><i>Ghi chú: Trường hợp bổ sung thêm trình tự thủ tục cấp GCN cấp mở rộng, bổ sung GCN sẽ <u>phát sinh thêm thủ tục hành chính</u></i></p>
<p>Bổ sung điểm d, đ khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT (không có)</p>	<p>Bổ sung điểm d, đ khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau</p> <p>“d) Cơ sở sản xuất giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật hoặc Cơ sở sản xuất giả mạo các tài liệu, khai báo không đúng các thông tin liên quan ảnh hưởng đến chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của sản phẩm trong hồ sơ đăng ký chứng nhận của kiểu loại sản phẩm.</p> <p>đ) Kiểu loại sản phẩm bị tạm dừng xuất xưởng quá 06 tháng theo quy định tại khoản 4 Điều này mà Cơ sở sản xuất vẫn không khắc phục được lỗi vi phạm.”</p>	<p>Đề thống nhất với nội dung trong các thông tư khác để xử lý các tình huống và vi phạm của CSSX theo kết luận của Thanh tra Bộ</p>
<p>Bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 10 (không có)</p>	<p>Bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 10 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:</p> <p>“4. Tạm dừng xuất xưởng của kiểu loại sản phẩm Giấy chứng nhận</p> <p>Cơ quan QLCL thông báo bằng văn bản yêu cầu cơ sở sản xuất tạm dừng xuất xưởng và tạm dừng cấp phiêu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe (tạm dừng xuất xưởng) đối với kiểu loại sản phẩm vi phạm nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p>	<p>+ Theo quy định trong Thông tư 45 thì các chế tài xử lý chỉ có hình thức thu hồi khi vi phạm nghiêm trọng các quy định;</p> <p>+ Bổ sung quy định xử lý trường hợp cơ sở sản xuất thực hiện chưa đúng quy định liên quan đến kiểm tra chất lượng theo kết luận của Thanh tra Bộ đã nêu ở trên.</p>

	<p>a) Cơ sở sản xuất vi phạm một trong các lỗi sau: không duy trì việc đảm bảo chất lượng theo quy định; không thực hiện đầy đủ việc kiểm tra chất lượng sản phẩm theo quy trình và hướng dẫn kiểm tra chất lượng của cơ sở sản xuất đã ban hành; quản lý và sử dụng Phiếu xuất xưởng không đúng quy định; không lập đầy đủ hồ sơ xuất xưởng cho sản phẩm theo quy định;</p> <p>b) Sản phẩm xuất xưởng không đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, không phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng và mẫu điển hình của kiểu loại sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận;</p> <p>c) Vi phạm quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền; không phối hợp trong việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đột xuất, xác minh lỗi của sản phẩm;</p> <p>d) Cơ sở sản xuất tự ý tẩy xóa, đục sửa, đóng lại số khung, số động cơ của xe sản xuất, lắp ráp và không báo cáo tới Cơ quan QLCL.</p> <p>Trường hợp lỗi vi phạm thuộc lỗi liên quan đến việc đảm bảo chất lượng, quản lý và sử dụng phiếu kiểm tra chất lượng chung cho tất cả các kiểu loại sản phẩm hoặc các kiểu loại sản phẩm tương tự (có sự giống nhau cơ bản về quy trình công nghệ sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng), Cơ quan QLCL yêu cầu tạm dừng xuất xưởng ĐỐI VỚI tất cả kiểu loại sản phẩm hoặc các kiểu loại sản phẩm tương tự đã được cấp Giấy chứng nhận.</p> <p>Trong thời gian bị tạm dừng xuất xưởng, Cơ sở sản xuất không được thực hiện xuất xưởng, cấp phiếu kiểm tra chất lượng cho sản phẩm của kiểu loại đang bị tạm dừng để đưa ra thị trường, phải thực hiện khắc phục các lỗi vi phạm. Cơ quan QLCL sẽ xem xét, kiểm tra sau khi Cơ sở sản xuất thông báo về việc đã khắc phục các lỗi vi phạm; nếu các lỗi vi phạm đã được khắc phục thì Cơ quan QLCL hủy bỏ việc tạm dừng xuất xưởng và thông báo bằng văn bản cho Cơ sở sản xuất; nếu quá 06 tháng kể từ khi thông báo tạm đình chỉ mà Cơ sở sản xuất vẫn chưa khắc phục được các lỗi vi phạm thì Giấy chứng nhận đã cấp</p>	<p>+ Về nội dung “Trình tự thủ tục cấp lại trong trường hợp mất, rách hỏng, cấp mở rộng, bổ sung giấy chứng nhận” tại các Thông tư. Vì vậy, việc sửa đổi nội dung này nhằm đáp ứng</p>
--	---	--

	<p>cho kiểu loại sản phẩm sẽ bị thu hồi theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này.</p> <p>5. Cấp lại Giấy chứng nhận</p> <p>Giấy chứng nhận được cấp lại trong các trường hợp bị mất, hỏng hoặc có sự thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp trên Giấy chứng nhận, Cơ sở sản xuất nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng thông tin điện tử hoặc qua hình thức khác các tài liệu liên quan đến việc đề nghị cấp lại giấy chứng nhận. Cơ quan QLCL sẽ tiếp nhận, kiểm tra các tài liệu đề cấp lại Giấy chứng nhận theo trình tự và cách thức nêu tại Điều 7 của Thông tư này.</p>	<p>kết luận của Thanh tra Bộ liên quan đến trình tự cấp lại GCN.</p> <p><i>Ghi chú: Trường hợp bổ sung thêm trình tự thủ tục cấp GCN mở rộng, bổ sung GCN sẽ <u>phát sinh thêm thủ tục hành chính</u></i></p>
<p>Sửa đổi đoạn trích dẫn đầu tiên của khoản 1 Điều 12</p> <p>“Trường hợp phát hiện ra lỗi kỹ thuật của các sản phẩm đã bán ra thị trường, Cơ sở sản xuất thực hiện các công việc sau đây:”</p>	<p>Sửa đổi đoạn trích dẫn đầu tiên của khoản 1 Điều 12 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:</p> <p>“Trường hợp sản phẩm đã xuất xưởng thuộc đối tượng phải triệu hồi nêu tại khoản 1 Điều 11, Cơ sở sản xuất thực hiện các công việc sau đây:</p>	<p>Sửa đổi để đáp ứng kết luận của Thanh tra “Bổ sung khoản 1 Điều 12 đối với hành vi vi phạm các quy định nêu tại điểm a khoản 1 Điều 11 “sản phẩm vi phạm các quy định bắt buộc áp dụng cho sản phẩm đó”.</p>
<p>Khoản 1 Điều 14</p> <p>1. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan QLCL có thể trưng cầu các chuyên gia để đánh giá mức độ nguy hiểm của lỗi kỹ thuật để có thể đưa ra các quyết định cần thiết.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:</p> <p>“1. Trong trường hợp cần có thêm ý kiến đánh giá của các chuyên gia để đánh giá mức độ nguy hiểm của lỗi kỹ thuật liên quan đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe, Cơ quan QLCL tiến hành trưng cầu ý kiến các chuyên gia để đưa ra quyết định.”</p>	<p>Sửa đổi để đáp ứng khuyến nghị của Thanh tra “Bổ sung khoản 1 Điều 14” để làm rõ trường hợp cần thiết là trường hợp nào.</p>
<p>Sửa đổi khoản 4 Điều 15 (Bỏ cụm từ “Thanh tra”)</p>	<p>Sửa đổi khoản 4 Điều 15</p> <p>“4. Tổ chức kiểm tra theo định kỳ hoặc đột xuất đối với việc thực hiện đảm bảo chất lượng, sử dụng phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của Cơ sở sản xuất.”</p> <p>Sửa đổi khoản 3 Điều 16 (bỏ chữ “Thanh tra”)</p>	<p>Sửa đổi khoản 4 Điều 15 và Sửa đổi khoản 3 Điều 16 để đáp ứng khuyến nghị bỏ chữ “Thanh tra”.</p>
<p>Sửa đổi khoản 3 Điều 16 (Bỏ cụm từ “Thanh tra”)</p>	<p>Sửa đổi khoản 3 Điều 16 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:</p> <p>“3. Hợp tác đầy đủ với Cơ quan QLCL trong quá trình kiểm tra, đánh giá liên quan đến chất lượng sản phẩm, việc đảm bảo chất lượng sản phẩm và quản lý, sử dụng Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng.”</p>	<p>Sửa đổi khoản 4 Điều 15 và Sửa đổi khoản 3 Điều 16 để đáp ứng khuyến nghị bỏ chữ “Thanh tra”.</p>
<p>Phụ lục VI</p>	<p>Bổ sung ghi chú vào phụ lục VI: “<i>Ghi chú: Việc trang bị từng thiết bị kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo danh mục nêu</i></p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với thực tế hiện nay theo tình hình phát triển của xe điện. Tránh trường</p>

	<i>trên phải phù hợp với loại xe được sản xuất, lắp ráp tại cơ sở sản xuất.”</i>	hợp, CSSX chỉ lắp xe điện lại phải trang bị các thiết bị kiểm tra khí thải.
Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT ngày 13 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông đường bộ (sau đây viết tắt là Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT)		
Khoản 2 Điều 4. Thử nghiệm mẫu 2. Cơ sở sản xuất có trách nhiệm chuyển mẫu thử nghiệm tới địa điểm thử nghiệm. Cơ sở thử nghiệm có trách nhiệm thử nghiệm mẫu theo đúng các quy trình tương ứng với các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; lập báo cáo kết quả thử nghiệm theo mẫu quy định và chịu trách nhiệm về các kết quả thử nghiệm của mình. Trong trường hợp cần thiết, Cục Đăng kiểm Việt Nam trực tiếp giám sát việc thử nghiệm.	Sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT như sau: 2. Cơ sở sản xuất có trách nhiệm chuyển mẫu thử nghiệm tới địa điểm thử nghiệm. Cơ sở thử nghiệm có trách nhiệm thử nghiệm mẫu theo đúng các quy trình tương ứng với các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; lập báo cáo kết quả thử nghiệm theo mẫu quy định và chịu trách nhiệm về các kết quả thử nghiệm của mình. Trường hợp cần phải trực tiếp cùng đánh giá các hạng mục quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định, đánh giá quá trình thực hiện kiểm tra, thử nghiệm sản phẩm để làm căn cứ xác nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của kiểu loại sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định, Cơ quan QLCL thực hiện giám sát trực tiếp việc thử nghiệm sản phẩm tại cơ sở thử nghiệm.”	Sửa đổi để làm rõ các trường hợp cơ quan QLCL giám sát thử nghiệm tương tự như khuyến nghị tại Thông tư khác: TT30 và TT45.
Điểm c khoản 1 Điều 6 c) Có đủ nguồn nhân lực thực hiện việc sản xuất và kiểm tra chất lượng phù hợp với quy trình sản xuất, lắp ráp đã đề ra. Kỹ thuật viên chịu trách nhiệm về chất lượng Xe xuất xưởng được nhà sản xuất nước ngoài (bên chuyển giao công nghệ) hoặc Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp chứng chỉ nghiệp vụ kiểm tra chất lượng Xe sản xuất, lắp ráp.	Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 6 như sau: “c) Có nhân viên kiểm tra đáp ứng được nghiệp vụ kiểm tra chất lượng và khả năng sử dụng trang thiết bị kiểm tra trong công đoạn sản xuất, kiểm tra chất lượng xuất xưởng sản phẩm.”.	Sửa đổi quy định đối với kỹ thuật viên để thống nhất với Điều 8 Thông tư 25/2019/TT-BGTVT theo kết luận của Thanh tra Bộ.
Điểm b khoản 3 Điều 6 như sau: b) Đánh giá COP hàng năm được thực hiện định kỳ hàng năm.	Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 6 như sau: “b) <i>Đánh giá hàng năm</i> (chu kỳ thực hiện 12 tháng đối với các kỳ đánh giá tiếp theo) được thực hiện định kỳ hàng năm để kiểm tra việc duy trì việc đảm bảo chất lượng tại Cơ sở sản xuất. Kiểm tra việc lưu trữ hồ sơ kiểm tra sản phẩm, sự phù hợp của sản phẩm xuất xưởng so với các chỉ tiêu chất lượng đăng ký trong hồ sơ kiểm tra sản phẩm và việc quản lý, sử dụng Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng được thực hiện theo phương thức kiểm tra xác suất. Việc mở rộng phạm vi kiểm tra, đánh giá được xem xét thực hiện khi có sự không phù hợp trong quá trình sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng.”	Làm rõ quy định đánh giá COP định kỳ hàng năm theo kết luận của Thanh tra Bộ

<p>Khoản 3 Điều 7. Cấp giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại 3.⁴ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ thành phần hồ sơ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra nội dung hồ sơ đăng ký chứng nhận và thực hiện đánh giá COP theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư này. Nếu chưa đạt yêu cầu thì thông báo để Cơ sở sản xuất hoàn thiện lại; Nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục VIIa và VIIB ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá đạt yêu cầu.</p> <p><i>Ghi chú:</i> ⁽⁴⁾ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 “3. Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong thời hạn 07 ngày làm việc. Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ thì thông báo để doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện theo quy định. Trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP thì Cơ quan QLCL thống nhất với doanh nghiệp về thời gian, địa điểm thực hiện; nội dung và phương thức đánh giá thực hiện theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư này; kết quả sau khi kết thúc việc đánh giá COP sẽ được thông báo cho doanh nghiệp. Nếu đạt yêu cầu, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tương ứng được quy định tại Phụ lục VIIa và VIIB ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể sau từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu. Trường hợp có nội dung chưa phù hợp cần bổ sung, sửa đổi và khắc phục, doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung, khắc phục và hoàn thiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông báo. Khi doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hoặc khắc phục, Cơ quan QLCL tiến hành kiểm tra, đánh giá lại theo quy định. Quá thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không thực hiện bổ sung, sửa đổi và khắc phục, Cơ quan QLCL dừng thực hiện kiểm tra đánh giá hồ sơ hoặc đánh giá COP; để tiếp tục thực hiện, doanh nghiệp phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu.”</p>	<p>Qua rà soát thì cần sửa đổi các nội dung trong Điều 7 liên quan đến thời gian để đảm bảo phù hợp với các kiến nghị tại các Thông tư khác như: + Cắt giảm thời gian xem xét đánh giá hồ sơ (07 ngày) và thống nhất với các thông tư khác + Làm rõ Thời gian hoàn trả hồ sơ trong trường hợp HS không đầy đủ theo quy định; Thời gian thông báo bổ sung sửa đổi HS nếu HS không đạt yêu cầu; Thời gian CSTK phải hoàn thiện HSTK (khuyến nghị của Thanh tra). + Bổ sung quy định về việc thông báo kết quả sau khi thực hiện đánh giá COP và xử lý đối với trường hợp kết quả đánh giá COP không đạt yêu cầu theo kết luận Thanh tra Bộ.</p>
<p>Khoản 1 Điều 8</p> <p>1. Cơ sở sản xuất chỉ được tiến hành sản xuất, lắp ráp các sản phẩm tiếp theo sau khi đã được cấp Giấy chứng nhận và phải đảm bảo các sản phẩm này phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận, mẫu điển hình đã được thử nghiệm. Cơ sở sản xuất phải chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các sản phẩm xuất xưởng.</p>	<p>Sửa đổi khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT như sau: “1. Cơ sở sản xuất chỉ được tiến hành sản xuất, lắp ráp, xuất xưởng và cấp phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng cho xe tiếp theo sau khi đã được cấp Giấy chứng nhận cho kiểu loại xe và tuân thủ các quy định tại Thông tư này về việc đảm bảo chất lượng sản phẩm, đánh giá hàng năm, đánh giá bổ sung Giấy chứng nhận và phải đảm bảo các sản phẩm này các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường quy định tại Thông tư này, phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận, mẫu điển hình đã được thử nghiệm của kiểu loại sản phẩm đã được chứng nhận chất lượng. Cơ sở sản xuất phải chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các sản phẩm xuất xưởng.”</p>	<p>Sửa lại để đảm bảo và làm rõ quy định trong hoạt động SXLR: các CXSX không tiếp tục kiểm tra xuất xưởng, cấp phiếu xuất xưởng của các loại sản phẩm đang vi phạm, đang có lỗi,... đưa ra thị trường</p>

<p>Khoản 2 điều 8 2. Từng sản phẩm sản xuất hàng loạt phải được Cơ sở sản xuất kiểm tra chất lượng xuất xưởng (sau đây gọi tắt là Kiểm tra xuất xưởng). Cục Đăng kiểm Việt Nam có thể tiến hành kiểm tra đột xuất. Trường hợp kết quả kiểm tra đột xuất cho thấy Cơ sở sản xuất vi phạm các quy định liên quan đến việc kiểm tra chất lượng sản phẩm thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ thu hồi Giấy chứng nhận hoặc áp dụng hình thức giám sát Kiểm tra xuất xưởng</p>	<p>Sửa đổi khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT như sau: “2. Từng sản phẩm sản xuất hàng loạt phải được Cơ sở sản xuất kiểm tra chất lượng xuất xưởng (sau đây gọi tắt là kiểm tra xuất xưởng). Cục Đăng kiểm Việt Nam có thể tiến hành kiểm tra đột xuất. Trường hợp kết quả kiểm tra đột xuất cho thấy Cơ sở sản xuất vi phạm các quy định liên quan đến việc kiểm tra chất lượng sản phẩm thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị yêu cầu tạm dừng xuất xưởng của kiểu loại sản phẩm hoặc thu hồi Giấy chứng nhận.”</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với việc xử lý vì hiện nay trong thông tư không có quy định, xử lý vi phạm về việc áp dụng hình thức giám sát Kiểm tra xuất xưởng.</p>
<p>Khoản 6 Điều 8 (chưa có)</p>	<p>Bổ sung khoản 6 Điều 8 của Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT như sau: “5. Cơ sở sản xuất không sử dụng khung xe, động cơ có số khung, số động cơ bị tẩy xoá, đục sửa và đóng lại để sản xuất, lắp ráp thành xe. Trường hợp số khung, số động cơ đóng trong nước bị lỗi do thao tác của nhân viên hoặc bị mờ, khó đọc thì giữ nguyên hiện trạng số đã đóng sai và thông báo bằng văn bản tới Cơ quan QLCL để xem xét, đóng lại.”</p>	<p>Đề xuất sửa đổi phát sinh mới để xử lý đối với các trường hợp đóng khung, số động cơ bị lỗi, tránh trường hợp mài xoá, đục sửa lại số khung, số động cơ với mục đích xấu.</p>
<p>Đoạn đầu trích dẫn của Khoản 2 Điều 9. Đánh giá hàng năm, đánh giá bổ sung Giấy chứng nhận 2. Cơ sở sản xuất phải tiến hành các thủ tục chứng nhận bổ sung khi các quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến kiểu loại sản phẩm đã được chứng nhận thay đổi hoặc khi sản phẩm có các thay đổi ảnh hưởng tới sự phù hợp của kiểu loại sản phẩm đó so với quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Cơ sở sản xuất nộp bổ sung các tài liệu sau:</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu trích dẫn của khoản 2 Điều 9 của Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT như sau: “2. Cơ sở sản xuất phải tiến hành các thủ tục chứng nhận bổ sung khi các quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến kiểu loại sản phẩm đã được chứng nhận thay đổi hoặc khi sản phẩm có các thay đổi ảnh hưởng tới sự phù hợp của kiểu loại sản phẩm đó so với quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Cơ sở sản xuất nộp hồ sơ bổ sung và gửi tới Cơ quan QLCL để được tiếp nhận, kiểm tra và đánh giá nội dung hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận theo trình tự và cách thức nêu tại Điều 7 của Thông tư này. Trường hợp sản phẩm có sự thay đổi kết cấu, bố trí trên xe không ảnh hưởng đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kiểu loại sản phẩm đã chứng nhận, so với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc không làm thay đổi thông số in trên Giấy chứng nhận đã cấp thì chỉ ghi nhận, bổ sung các nội dung thay đổi đối với kiểu loại sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận. Hồ sơ bổ sung bao gồm bao gồm các tài liệu sau:”</p>	<p>Việc sửa đổi nội dung này nhằm đáp ứng kết luận của Thanh tra Bộ liên quan đến trình tự bổ sung hồ sơ kiểu loại đã được chứng nhận: “Trình tự thủ tục cấp lại trong trường hợp mất, rách hỏng, cấp mở rộng, bổ sung giấy chứng nhận” tại các Thông tư. <i>Ghi chú: Trường hợp bổ sung thêm trình tự thủ tục cấp GCN mở rộng, bổ sung GCN sẽ <u>phát sinh thêm thủ tục hành chính</u></i></p>

<p>Điểm d khoản 3 Điều 9 (chưa có)</p>	<p>Bổ sung điểm d, đ khoản 3 Điều 9 của Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT như sau: “d) Cơ sở sản xuất giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật hoặc Cơ sở sản xuất giả mạo các tài liệu, khai báo không đúng các thông tin liên quan ảnh hưởng đến chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của sản phẩm trong hồ sơ đăng ký chứng nhận của kiểu loại sản phẩm. đ) Kiểu loại sản phẩm bị tạm dừng xuất xưởng quá 06 tháng theo quy định tại khoản 4 Điều này mà Cơ sở sản xuất vẫn không khắc phục được lỗi vi phạm.”.</p>	<p>Bổ sung để thống nhất cách xử lý, cách thức xử lý trong các Thông tư.</p>
<p>Bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 9 của Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT (chưa có)</p>	<p>Bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 9 của Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT như sau: “4. Tạm dừng xuất xưởng của kiểu loại sản phẩm Cơ quan QLCL thông báo bằng văn bản yêu cầu cơ sở sản xuất tạm dừng xuất xưởng và tạm dừng cấp phôi phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe (tạm dừng xuất xưởng) đối với kiểu loại sản phẩm vi phạm nêu thuộc một trong các trường hợp sau: a) Cơ sở sản xuất vi phạm một trong các lỗi sau: không duy trì việc đảm bảo chất lượng theo quy định; không thực hiện đầy đủ việc kiểm tra chất lượng sản phẩm theo quy trình và hướng dẫn kiểm tra chất lượng của cơ sở sản xuất đã ban hành; quản lý và sử dụng Phiếu xuất xưởng không đúng quy định; không lập đầy đủ hồ sơ xuất xưởng cho sản phẩm theo quy định; b) Sản phẩm xuất xưởng không đạt quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục I của Thông tư này, không phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng và mẫu điển hình của kiểu loại sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận; c) Vi phạm quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền; không phối hợp trong việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đột xuất, xác minh lỗi của sản phẩm; d) Cơ sở sản xuất tự ý tẩy xóa, đục sửa, đóng lại số khung, số động cơ của xe sản xuất, lắp ráp và không báo cáo tới Cơ quan QLCL.</p>	<p>+ Đề giải quyết kết luận của Thanh tra Bộ về việc bổ sung các quy định chế tài xử lý vi phạm của cơ sở sản xuất. + Việc sửa đổi nội dung này nhằm đáp ứng kết luận của Thanh tra Bộ liên quan đến trình tự cấp lại Giấy chứng nhận trong một số trường hợp: “Trình tự thủ tục cấp lại trong trường hợp mất, rách hỏng, cấp mở rộng, bổ sung giấy chứng nhận” tại các Thông tư. <i>Ghi chú: Trường hợp bổ sung thêm trình tự thủ tục cấp lại GCN khi bị mất, rách, hỏng GCN sẽ <u>phát sinh thêm thủ tục hành chính</u></i></p>

	<p>Trường hợp lỗi vi phạm thuộc lỗi liên quan đến việc đảm bảo chất lượng, quản lý và sử dụng phiếu kiểm tra chất lượng chung cho tất cả các kiểu loại sản phẩm hoặc các kiểu loại sản phẩm tương tự (có sự giống nhau cơ bản về quy trình công nghệ sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng), Cơ quan QLCL yêu cầu tạm dừng xuất xưởng đối với tất cả kiểu loại sản phẩm hoặc các kiểu loại sản phẩm tương tự đã được cấp Giấy chứng nhận.</p> <p>Trong thời gian bị tạm dừng xuất xưởng, Cơ sở sản xuất không được thực hiện xuất xưởng, cấp phiếu kiểm tra chất lượng cho sản phẩm của kiểu loại đang bị tạm dừng để đưa ra thị trường, phải thực hiện khắc phục các lỗi vi phạm. Cơ quan QLCL sẽ xem xét, kiểm tra sau khi Cơ sở sản xuất thông báo về việc đã khắc phục các lỗi vi phạm; nếu các lỗi vi phạm đã được khắc phục thì Cơ quan QLCL hủy bỏ việc tạm dừng xuất xưởng và thông báo bằng văn bản cho Cơ sở sản xuất; nếu quá 06 tháng kể từ khi thông báo tạm đình chỉ mà Cơ sở sản xuất vẫn chưa khắc phục được các lỗi vi phạm thì Giấy chứng nhận đã cấp cho kiểu loại sản phẩm sẽ bị thu hồi theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này.</p> <p>5. Cấp lại Giấy chứng nhận</p> <p>Giấy chứng nhận được cấp lại trong các trường hợp bị mất, hỏng hoặc có sự thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp trên Giấy chứng nhận, Cơ sở sản xuất nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng thông tin điện tử hoặc qua hình thức khác các tài liệu liên quan đến việc đề nghị cấp lại giấy chứng nhận. Cơ quan QLCL sẽ tiếp nhận, kiểm tra các tài liệu để cấp lại Giấy chứng nhận theo trình tự và cách thức nêu tại Điều 7 của Thông tư này.”.</p>	
<p>Khoản 3 Điều 21. Trách nhiệm của Cơ sở sản xuất</p> <p>3. Thực hiện việc triệu hồi sản phẩm theo quy định tại Điều 22 của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khi phát hiện sản phẩm bị lỗi kỹ thuật.</p>	<p>Sửa đổi khoản 3 Điều 21 như sau:</p> <p>“3. Thực hiện việc triệu hồi sản phẩm khi phát hiện bị lỗi kỹ thuật theo trình tự và cách thức nêu tại tại Chương III của Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05 tháng 07 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô.”</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với các khuyến nghị của Thanh tra như đối với các thông tư khác: TT30 và TT45, TT44, ...</p>

Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện (sau đây viết tắt là Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT)		
<p>Khoản 2 Điều 4 2. Cơ sở sản xuất, Cơ sở nhập khẩu có trách nhiệm chuyển mẫu thử nghiệm tới địa điểm thử nghiệm. Cơ sở thử nghiệm có trách nhiệm thử nghiệm mẫu theo đúng quy trình tương ứng với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; lập báo cáo kết quả thử nghiệm theo mẫu quy định và chịu trách nhiệm về các kết quả thử nghiệm của mình. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan QLCL trực tiếp giám sát việc thử nghiệm.</p>	<p>Sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT như sau: “2. Cơ sở sản xuất, Cơ sở nhập khẩu có trách nhiệm chuyển mẫu thử nghiệm tới địa điểm thử nghiệm. Cơ sở thử nghiệm có trách nhiệm thử nghiệm mẫu theo đúng quy trình tương ứng với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; lập báo cáo kết quả thử nghiệm theo mẫu quy định và chịu trách nhiệm về các kết quả thử nghiệm của mình. Trường hợp cần phải trực tiếp cùng đánh giá các hạng mục quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định, đánh giá quá trình thực hiện kiểm tra, thử nghiệm sản phẩm để làm căn cứ xác nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của kiểu loại sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định, Cơ quan QLCL thực hiện giám sát trực tiếp việc thử nghiệm sản phẩm tại cơ sở thử nghiệm.”.</p>	<p>Sửa đổi để làm rõ khuyến nghị của Thanh tra đối với trường hợp nào Cơ quan QLCL cần giám sát việc thử nghiệm.</p>
<p>Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 5 (đã được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT) c) Hướng dẫn sử dụng xe trong đó có các thông số kỹ thuật chính, cách thức sử dụng các thiết bị của xe, hướng dẫn về an toàn cháy nổ và bảo vệ môi trường và Phiếu bảo hành xe (ghi rõ điều kiện và địa chỉ các cơ sở bảo hành) hoặc các tài liệu dạng điện tử như đã nêu (đối với trường hợp nộp thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến)</p>	<p>Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT, đã được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT</p>	<p>Tiếp tục cắt giảm thủ tục hành chính: Bỏ nộp thành phần hồ sơ gồm sách hướng dẫn sử dụng và phiếu bảo hành khi nộp hồ sơ chứng nhận nhằm thuận lợi khi làm HS trực tuyến); đồng thời bổ sung điều khoản liên quan đến trách nhiệm CSSX phải cung cấp sách hướng dẫn sử dụng và sổ bảo hành khi đưa xe ra thị trường (xem điều khoản <i>Bổ sung điểm đ và e khoản 1 Điều 9 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT</i>).</p>
<p>Điểm b khoản 3 Điều 6 b) Đánh giá COP hàng năm được thực hiện định kỳ hàng năm;</p>	<p>Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT như sau: “b) <i>Đánh giá hàng năm</i> (chu kỳ thực hiện 12 tháng đối với các kỳ đánh giá tiếp theo) được thực hiện định kỳ hàng năm để kiểm tra việc duy trì việc đảm bảo chất lượng tại Cơ sở sản xuất. Kiểm tra việc lưu trữ hồ sơ kiểm tra sản phẩm, sự phù hợp của sản phẩm xuất xưởng so với các chỉ tiêu chất lượng đăng ký trong hồ sơ kiểm tra sản phẩm và việc quản lý, sử dụng Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng được thực hiện theo phương thức kiểm tra xác suất. Việc mở rộng phạm vi kiểm tra, đánh giá được xem xét thực hiện khi có sự không</p>	<p>Làm rõ quy định nội dung đánh giá, thời gian đánh giá COP định kỳ hàng năm theo kết luận của Thanh tra Bộ</p>

	phù hợp trong quá trình sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng.”	
<p>Điểm b và c Khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT</p> <p>b) Cơ quan QLCL tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ đăng ký. Nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì ngay trong ngày làm việc, hướng dẫn Cơ sở sản xuất hoàn thiện lại; Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ theo quy định thì thống nhất với Cơ sở sản xuất về thời gian và địa điểm thực hiện đánh giá COP;</p> <p>c)⁵ Trong phạm vi 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ thành phần hồ sơ theo quy định, Cơ quan QLCL tiến hành kiểm tra nội dung hồ sơ đăng ký và thực hiện đánh giá COP theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này. Nếu chưa đạt yêu cầu thì thông báo để Cơ sở sản xuất hoàn thiện lại; Nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục IIIa ban hành kèm theo Thông tư này trong phạm vi 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá đạt yêu cầu.</p> <p><i>Ghi chú:</i> ⁽⁵⁾ Điểm này được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.</p>	<p>Sửa đổi điểm b và c khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT như sau</p> <p>“b) Cơ quan QLCL tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ đăng ký chứng nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cơ quan QLCL trả lại hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trả lại hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với hình thức nộp khác và hướng dẫn để Cơ sở sản xuất hoàn thiện. Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần, Cơ quan QLCL tiếp nhận hồ sơ để thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ theo quy định.</p> <p>c) Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong thời hạn 07 ngày làm việc. Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ thì thông báo để Cơ sở sản xuất bổ sung, hoàn thiện theo quy định. Trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP thì Cơ quan QLCL thống nhất với Cơ sở sản xuất về thời gian, địa điểm thực hiện; nội dung và phương thức đánh giá thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 6 của Thông tư này; kết quả sau khi kết thúc việc đánh giá COP sẽ được thông báo cho Cơ sở sản xuất. Nếu đạt yêu cầu, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tương ứng được quy định tại Phụ lục IIIa ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể sau từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu.</p> <p>Trường hợp có nội dung chưa phù hợp cần bổ sung, sửa đổi và khắc phục, doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung, khắc phục và hoàn thiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông báo. Khi doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hoặc khắc phục, Cơ quan QLCL tiến hành kiểm tra, đánh giá lại theo quy định. Quá thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không thực hiện bổ sung, sửa đổi và khắc phục, Cơ quan QLCL dừng thực hiện kiểm tra đánh giá hồ sơ hoặc đánh giá COP; để tiếp tục thực hiện, doanh nghiệp phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu.”</p>	<p>+ Sửa đổi khoản 1 Điều 8 liên quan đến trình tự thủ tục và thời gian cấp GCN đối với xe SXLR để đồng bộ với các thủ tục tại các Thông tư khác như theo khuyến nghị của Thanh tra tại các TT30, TT45,</p> <p>+ Giảm thời gian kiểm tra nội dung hồ sơ từ 10 ngày xuống 07 ngày làm việc;</p> <p>+ Bổ sung quy định về việc thông báo kết quả sau khi thực hiện đánh giá COP và xử lý đối với trường hợp kết quả đánh giá COP không đạt yêu cầu theo kết luận Thanh tra Bộ.</p>

<p>Điểm c khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT (đã được sửa đổi tại điểm c khoản 4 Điều 5 của Thông tư 16/2022/TT-BGTVT)</p> <p>Cơ quan QLCL tiến hành kiểm tra và xem xét kết quả thử nghiệm Xe theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này. Nếu không đạt yêu cầu thì trong phạm vi 04 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, thông báo để Cơ sở nhập khẩu khắc phục; quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo, nếu Cơ sở nhập khẩu chưa có biện pháp khắc phục thì thông báo không đạt chất lượng nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục IIIc kèm theo Thông tư này. Nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục IIIb ban hành kèm theo Thông tư này trong phạm vi 04 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu</p>	<p>Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT, đã được sửa đổi tại điểm c khoản 4 Điều 5 của Thông tư 16/2022/TT-BGTVT như sau:</p> <p>“c) Cơ quan QLCL tiến hành kiểm tra và xem xét kết quả thử nghiệm Xe theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này. Trong thời hạn 4 ngày làm việc kể từ ngày kiểm tra và bổ sung đầy đủ tài liệu theo quy định, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục IIIb ban hành kèm theo Thông tư này nếu kết quả kiểm tra, thử nghiệm đạt yêu cầu; cấp Thông báo không đạt chất lượng nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục IIIc kèm theo Thông tư này nếu kết quả kiểm tra, thử nghiệm không đạt yêu cầu..”</p>	<p>Bổ sung, sửa đổi thống nhất với các cách thức xử lý đối với trường hợp xe kiểm tra, thử nghiệm không đạt.</p> <p>CSSX cần xem xét lựa chọn các xe phù hợp, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi nhập vào VN; tránh tình trạng xe nhập về không phù hợp phải sửa chữa, khắc phục để đáp ứng quy định, sau đó lại tìm cách đưa về trạng thái như trước khi nhập để đưa ra thị trường</p>
<p>Điểm a khoản 1 Điều 9</p> <p>a) Cơ sở sản xuất chỉ được tiến hành sản xuất, lắp ráp các Xe tiếp theo sau khi đã được cấp Giấy chứng nhận và phải đảm bảo các Xe này phù hợp với hồ sơ đăng ký, mẫu điển hình đã được thử nghiệm. Cơ sở sản xuất phải chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các Xe xuất xưởng;</p>	<p>Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 9 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT như sau:</p> <p>“a) Cơ sở sản xuất chỉ được tiến hành sản xuất, lắp ráp, xuất xưởng và cấp tem hợp quy cho các xe tiếp theo sau khi đã được cấp Giấy chứng nhận cho kiểu loại xe và tuân thủ các quy định tại Thông tư này về việc đảm bảo chất lượng sản phẩm, đánh giá hàng năm, đánh giá bổ sung Giấy chứng nhận (nếu có) và phải đảm bảo các sản phẩm này đạt quy chuẩn kỹ thuật, phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận, mẫu điển hình đã được thử nghiệm của kiểu loại xe đã được chứng nhận chất lượng. Cơ sở sản xuất phải chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các xe xuất xưởng.”</p>	<p>Sửa lại để đảm bảo và làm rõ quy định trong hoạt động SXLR: các CXSX không tiếp tục kiểm tra xuất xưởng, cấp phiếu xuất xưởng của các loại sản phẩm đang vi phạm, đang có lỗi,... đưa ra thị trường</p>
<p>Điểm đ và e khoản 1 Điều 9 (chưa có)</p>	<p>Bổ sung điểm đ và e khoản 1 Điều 9 của Thông tư số 41/2013/TT-BGT như sau:</p> <p>“đ) Các xe đã được kiểm tra xuất xưởng và dán tem hợp quy khi đưa ra thị trường phải được cung cấp kèm theo Sách hướng dẫn sử dụng (có các thông số kỹ thuật chính, cách thức sử dụng các thiết bị của xe và hướng dẫn về an toàn cháy nổ), Phiếu bảo hành sản phẩm (ghi rõ điều kiện và địa chỉ các cơ sở bảo hành).</p> <p>e) Cơ sở sản xuất không sử dụng khung xe, động cơ có số khung, số động cơ bị tẩy xóa, đục sửa và đóng lại để sản xuất, lắp ráp thành xe. Trường hợp số khung, số động cơ đóng trong</p>	<p>+ Do đề xuất bỏ thành phần hồ sơ gồm sách HSSD và phiếu BHSP như đề xuất ở trên để cắt giảm thủ tục hành chính như các loại xe khác nên cần có điều khoản yêu cầu CSSX cung cấp kèm theo khi đưa xe ra thị trường</p> <p>+ Đề xuất sửa đổi để xử lý đối với các trường hợp đóng khung, số động cơ bị lỗi, tránh trường hợp mài xoá, đục sửa lại số khung, số động cơ với mục đích xấu.</p>

	nước bị lỗi do thao tác của nhân viên hoặc bị mờ, khó đọc thì giữ nguyên hiện trạng số đã đóng sai và thông báo bằng văn bản tới Cơ quan QLCL để được xem xét, đóng lại.”.	
Điều 10 Kiểm tra chất lượng sản phẩm lưu thông trên thị trường	Bãi bỏ Điều 10	<p>Theo khuyến nghị của Thanh tra Bộ GTVT có đề nghị bổ sung việc kiểm tra chất lượng sản phẩm lưu thông trên thị trường vào các thông tư liên quan. Tuy nhiên qua rà soát lại thì:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hiện nay, Bộ GTVT chưa có thông tư quy định về kiểm soát viên chất lượng để thực hiện theo các quy định của Thông tư 41 và Luật chất lượng sản phẩm; + Thông tư hướng dẫn việc thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm trên thị trường: cách lấy mẫu, chi phí thực hiện và việc xử lý mẫu, ... + Việc áp dụng phương thức quản lý chất lượng hiện nay đang chủ yếu áp dụng phương thức quản lý tương tự Phương thức 3: Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất được quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ KHCN quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. <p>Với lý do trên nên trong thời gian chờ sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp và có đủ điều kiện thực hiện quy định nên đề xuất bãi bỏ. Khi Luật giao thông đường bộ mới ban hành sẽ xem xét quy định lại để thực hiện.</p>
Khoản 2 Điều 11	Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu trích dẫn của khoản 2 Điều 11 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT như sau:	Việc sửa đổi nội dung này nhằm đáp ứng kết luận của Thanh tra Bộ liên quan đến trình tự bổ sung hồ sơ kiểu loại đã được chứng nhận:

<p>2. Cơ sở sản xuất phải tiến hành các thủ tục chứng nhận bổ sung khi các quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến kiểu loại Xe đã được chứng nhận thay đổi hoặc khi Xe có các thay đổi ảnh hưởng tới sự phù hợp của kiểu loại Xe đó so với quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Cơ sở sản xuất nộp bổ sung các tài liệu sau:</p>	<p>“2. Cơ sở sản xuất phải tiến hành các thủ tục chứng nhận bổ sung khi các quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến kiểu loại sản phẩm đã được chứng nhận thay đổi hoặc khi sản phẩm có các thay đổi ảnh hưởng tới sự phù hợp của kiểu loại sản phẩm đó so với quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Cơ sở sản xuất nộp hồ sơ bổ sung và gửi tới Cơ quan QLCL để được tiếp nhận, kiểm tra và đánh giá nội dung hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận theo trình tự và cách thức nêu tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư này. Trường hợp sản phẩm có sự thay đổi kết cấu, bố trí trên xe không ảnh hưởng đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kiểu loại sản phẩm đã chứng nhận, so với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc không làm thay đổi thông số in trên Giấy chứng nhận đã cấp thì chỉ ghi nhận, bổ sung các nội dung thay đổi đối với kiểu loại sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận. Hồ sơ bổ sung bao gồm các tài liệu sau:”</p>	<p>“Trình tự thủ tục cấp lại trong trường hợp hợp mất, rách hỏng, cấp mở rộng, bổ sung giấy chứng nhận” tại các Thông tư. <i>Ghi chú: Trường hợp bổ sung thêm trình tự thủ tục cấp GCN mở rộng, bổ sung GCN sẽ <u>phát sinh thêm thủ tục hành chính</u></i></p>
<p>Điểm d khoản 3 Điều 11 (chưa có)</p>	<p>Bổ sung điểm d khoản 3 Điều 11 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT như sau: d) Cơ sở sản xuất giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật hoặc Cơ sở sản xuất giả mạo các tài liệu, khai báo không đúng các thông tin liên quan ảnh hưởng đến chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trong hồ sơ đăng ký chứng nhận của kiểu loại xe. đ) Kiểu loại sản phẩm bị tạm dừng xuất xưởng quá 06 tháng theo quy định tại khoản 4 Điều này mà Cơ sở sản xuất vẫn không khắc phục được lỗi vi phạm.”.</p>	<p>Bổ sung để thống nhất cách xử lý trong các Thông tư.</p>
<p>Khoản 4, khoản 5 Điều 11 (chưa có)</p>	<p>Bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 11 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT như sau: “4. Tạm dừng xuất xưởng của kiểu loại sản phẩm Cơ quan QLCL thông báo bằng văn bản yêu cầu cơ sở sản xuất tạm dừng xuất xưởng và tạm dừng cấp tem hợp quy (tạm dừng xuất xưởng) đối với kiểu loại sản phẩm vi phạm nêu thuộc một trong các trường hợp sau: a) Cơ sở sản xuất vi phạm một trong các lỗi sau: không duy trì việc đảm bảo chất lượng theo quy định; không thực hiện đầy đủ việc kiểm tra chất lượng sản phẩm theo quy trình và hướng dẫn kiểm tra chất lượng của cơ sở sản xuất đã ban hành; quản</p>	<p>+ Để giải quyết kết luận của Thanh tra Bộ về việc bổ sung các quy định chế tài xử lý vi phạm của cơ sở sản xuất. + Việc sửa đổi nội dung này nhằm đáp ứng kết luận của Thanh tra Bộ liên quan đến trình tự cấp lại Giấy chứng nhận trong một số trường hợp: “Trình tự thủ tục cấp lại trong trường hợp mất, rách hỏng, cấp mở rộng, bổ sung giấy chứng nhận” tại các Thông tư.</p>

lý và sử dụng tem hợp quy không đúng quy định; không lập đầy đủ hồ sơ xuất xưởng cho xe theo quy định;
b) Xe xuất xưởng không đạt quy chuẩn kỹ thuật, không phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng và mẫu điển hình của kiểu loại sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận;
c) Vi phạm quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền; không phối hợp trong việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đột xuất, xác minh lỗi của xe;
d) Cơ sở sản xuất tự ý tẩy xóa, đục sửa, đóng lại số khung, số động cơ của xe sản xuất, lắp ráp và không báo cáo tới Cơ quan QLCL.

Trường hợp lỗi vi phạm thuộc lỗi liên quan đến việc đảm bảo chất lượng, quản lý và sử dụng tem hợp quy chung cho tất cả các kiểu loại sản phẩm hoặc các kiểu loại sản phẩm tương tự (có sự giống nhau cơ bản về quy trình công nghệ sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng), Cơ quan QLCL yêu cầu tạm dừng xuất xưởng đối với tất cả kiểu loại xe hoặc các kiểu loại xe tương tự đã được cấp Giấy chứng nhận.

Trong thời gian bị tạm dừng xuất xưởng, Cơ sở sản xuất không được thực hiện xuất xưởng, cấp tem hợp quy cho xe của kiểu loại đang bị tạm dừng để đưa ra thị trường, phải thực hiện khắc phục các lỗi vi phạm. Cơ quan QLCL sẽ xem xét, kiểm tra sau khi Cơ sở sản xuất thông báo về việc đã khắc phục các lỗi vi phạm; nếu các lỗi vi phạm đã được khắc phục thì Cơ quan QLCL hủy bỏ việc tạm dừng xuất xưởng và thông báo bằng văn bản cho Cơ sở sản xuất; nếu quá 06 tháng kể từ khi thông báo tạm đình chỉ mà Cơ sở sản xuất vẫn chưa khắc phục được các lỗi vi phạm thì Giấy chứng nhận đã cấp cho kiểu loại xe sẽ bị thu hồi theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này.

5. Cấp lại Giấy chứng nhận

Giấy chứng nhận được cấp lại trong các trường hợp bị mất, hỏng hoặc có sự thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp trên Giấy chứng nhận, Cơ sở sản xuất nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng thông tin điện tử hoặc qua hình thức khác các tài liệu liên quan đến việc đề nghị cấp lại giấy chứng nhận tới Cơ quan QLCL. Cơ quan QLCL sẽ tiếp nhận, kiểm tra các tài liệu để cấp lại

*Ghi chú: Trường hợp bổ sung thêm trình tự thủ tục cấp lại GCN khi bị mất, rách, hỏng GCN sẽ **phát sinh thêm thủ tục hành chính***

	Giấy chứng nhận theo trình tự và cách thức nêu tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư này.”	
Khoản 4 Điều 13 4. Thực hiện việc triệu hồi Xe theo quy định tại Điều 22 của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khi phát hiện Xe bị lỗi kỹ thuật.	Sửa đổi khoản 4 Điều 13 như sau: “4. Thực hiện việc triệu hồi đối với xe sản xuất, lắp ráp khi phát hiện xe bị lỗi kỹ thuật theo trình tự quy định tại Chương III của Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05 tháng 07 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô; Thực hiện việc triệu hồi xe nhập khẩu khi phát hiện xe bị lỗi kỹ thuật theo trình tự quy định tại Chương III – Quy định về triệu hồi ô tô của Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP	Bổ sung để làm rõ trình tự, cách thức triệu hồi SP đối với xe SXLR hoặc đối với xe nhập khẩu, tương tự với các khuyến nghị khác của Thanh tra Bộ.
Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế (sau đây viết tắt là Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT)		
Khoản 2 Điều 4 . Thử nghiệm mẫu 2. Cơ sở thử nghiệm thực hiện việc kiểm tra, thử nghiệm Xe mẫu theo đúng quy trình tương ứng với các yêu cầu quy định tại Thông tư này; lập báo cáo kết quả kiểm tra, thử nghiệm theo mẫu quy định. Trong trường hợp cần thiết, Cục Đăng kiểm Việt Nam trực tiếp giám sát việc kiểm tra, thử nghiệm.	Sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau: “2. Cơ sở thử nghiệm thực hiện việc kiểm tra, thử nghiệm Xe mẫu theo đúng quy trình tương ứng với các yêu cầu quy định tại Thông tư này; lập báo cáo kết quả kiểm tra, thử nghiệm theo mẫu quy định. Trường hợp cần phải trực tiếp cùng đánh giá các hạng mục quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định, đánh giá quá trình thực hiện kiểm tra, thử nghiệm sản phẩm để làm căn cứ xác nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của kiểu loại sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định, Cơ quan QLCL thực hiện giám sát trực tiếp việc thử nghiệm sản phẩm tại cơ sở thử nghiệm.”	Sửa đổi để làm rõ các trường hợp cơ quan QLCL giám sát thử nghiệm tương tự như khuyến nghị tại thông tư khác: TT30 và TT45
Điểm b khoản 3 Điều 6 b) Đánh giá COP hàng năm được thực hiện định kỳ hàng năm;	Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau: “b) <i>Đánh giá hàng năm</i> (chu kỳ thực hiện 12 tháng đối với các kỳ đánh giá tiếp theo) được thực hiện định kỳ hàng năm để kiểm tra việc duy trì việc đảm bảo chất lượng tại Cơ sở sản xuất. Kiểm tra việc lưu trữ hồ sơ kiểm tra sản phẩm, sự phù hợp của sản phẩm xuất xưởng so với các chỉ tiêu chất lượng	Làm rõ quy định nội dung đánh giá, thời gian đánh giá COP định kỳ hàng năm theo kết luận của Thanh tra Bộ

	<p>đăng ký trong hồ sơ kiểm tra sản phẩm và việc quản lý, sử dụng Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng được thực hiện theo phương thức kiểm tra xác suất. Việc mở rộng phạm vi kiểm tra, đánh giá được xem xét thực hiện khi có sự không phù hợp trong quá trình sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng.”</p>	
<p>Khoản 2 và khoản 3 Điều 7 2. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký chứng nhận và xử lý như sau: a) Nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn Cơ sở sản xuất hoàn thiện lại trong phạm vi 01 ngày làm việc đối với hồ sơ đăng ký chứng nhận nộp trực tiếp hoặc trong phạm vi 03 ngày làm việc đối với hồ sơ đăng ký chứng nhận nộp qua hệ thống bưu chính. b) Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ theo quy định thì thống nhất với cơ sở sản xuất về thời gian và địa điểm thực hiện đánh giá COP. 3. Trong phạm vi 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện đánh giá COP theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này. a) Nếu chưa đạt yêu cầu, thông báo để Cơ sở sản xuất hoàn thiện lại ngay khi kết thúc kiểm tra, đánh giá.</p>	<p>Sửa đổi bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 7 “2. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký chứng nhận và xử lý như sau: a) Nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trả lại hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với hình thức nộp khác và hướng dẫn để doanh nghiệp hoàn thiện. b) Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ để thực hiện kiểm tra, đánh giá nội dung hồ sơ theo quy định. 3. Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong thời hạn 07 ngày làm việc. a) Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ thì thông báo để Cơ sở sản xuất bổ sung, hoàn thiện theo quy định. Trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP thì Cơ quan QLCL thống nhất với Cơ sở sản xuất về thời gian, địa điểm thực hiện; nội dung và phương thức đánh giá thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 6 của Thông tư này; kết quả sau khi kết thúc việc đánh giá COP sẽ được thông báo cho doanh nghiệp. Trường hợp có nội dung chưa phù hợp cần bổ sung, sửa đổi và khắc phục, doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung, khắc phục và hoàn thiện trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày thông báo. Khi doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hoặc khắc phục, Cơ quan QLCL tiến hành kiểm tra, đánh giá lại theo quy định. Quá thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không thực hiện bổ sung, sửa đổi và khắc phục, Cơ quan QLCL dừng thực hiện kiểm tra đánh giá hồ sơ hoặc đánh giá COP; để tiếp tục thực hiện, doanh nghiệp phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu. b) Nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục IVa ban hành kèm theo Thông tư này trong thời</p>	<p>+ Sửa đổi quan đến trình tự thủ tục và thời gian cấp GCN đối với xe SXMLR để đồng bộ với các thủ tục tại các Thông tư khác như theo khuyến nghị của Thanh tra tại các TT30, TT45, + Làm rõ thời gian tiếp nhận hồ sơ trên hệ thống trực tuyến; + Giảm thời gian kiểm tra nội dung hồ sơ từ 10 ngày xuống 07 ngày làm việc; + Bổ sung quy định về việc thông báo kết quả sau khi thực hiện đánh giá COP và xử lý đối với trường hợp kết quả đánh giá COP không đạt yêu cầu theo kết luận Thanh tra Bộ.</p>

<p>b) Nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục IVa ban hành kèm theo Thông tư này trong phạm vi 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá.</p>	<p>hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu.”</p>	
<p>Khoản 1 Điều 8</p> <p>1. Cơ sở sản xuất chỉ được tiến hành sản xuất, lắp ráp và xuất xưởng các Xe tiếp theo sau khi kiểu loại Xe đã được cấp Giấy chứng nhận và phải đảm bảo các Xe này phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận, mẫu điển hình đã được thử nghiệm. Cơ sở sản xuất phải chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các Xe xuất xưởng</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:</p> <p>“1. Cơ sở sản xuất chỉ được tiến hành sản xuất, lắp ráp, xuất xưởng và cấp phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng cho xe tiếp theo sau khi đã được cấp Giấy chứng nhận cho kiểu loại xe và tuân thủ các quy định tại Thông tư này về việc đảm bảo chất lượng sản phẩm, đánh giá hàng năm, đánh giá bổ sung Giấy chứng nhận và phải đảm bảo các sản phẩm này đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận, mẫu điển hình đã được thử nghiệm của kiểu loại sản phẩm đã được chứng nhận chất lượng. Cơ sở sản xuất phải chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các sản phẩm xuất xưởng.”</p>	<p>Sửa lại để đảm bảo và làm rõ quy định trong hoạt động SXLR: các CXSX không tiếp tục kiểm tra xuất xưởng, cấp phiếu xuất xưởng của các loại sản phẩm đang vi phạm, đang có lỗi,... đưa ra thị trường</p>
<p>Khoản 6 Điều 8</p> <p>6. Cục Đăng kiểm Việt Nam có thể tiến hành kiểm tra đột xuất. Trường hợp kết quả kiểm tra cho thấy Cơ sở sản xuất vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 9 của Thông tư này thì sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận. Trường hợp vi phạm chưa tới mức bị thu hồi Giấy chứng nhận thì thực hiện giám sát việc kiểm tra xuất xưởng theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 8 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT</p> <p>“6. Cục Đăng kiểm Việt Nam có thể tiến hành kiểm tra đột xuất. Trường hợp kết quả kiểm tra cho thấy Cơ sở sản xuất vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 9 của Thông tư này thì sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận. Trường hợp vi phạm chưa tới mức bị thu hồi Giấy chứng nhận thì thực hiện yêu cầu tạm dừng xuất xưởng xe theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Thông tư này.”</p>	<p>+ Qua rà soát thì trong thông tư không có quy định về việc giám sát kiểm tra chất lượng, bãi bỏ việc giám sát nêu tại Điều 2. + Trong dự thảo thông tư có bổ sung các chế tài xử lý trong trường hợp CSSX có các vi phạm. Vì vậy cần sửa lại cho phù hợp</p>
<p>Khoản 7 Điều 8 (chưa có)</p>	<p>Bổ sung khoản 7 Điều 8 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:</p> <p>“7. Cơ sở sản xuất không sử dụng khung xe, động cơ có số khung, số động cơ bị tẩy xoá, đục sửa và đóng lại để sản xuất, lắp ráp thành xe. Trường hợp số khung, số động cơ đóng trong nước bị lỗi do thao tác của nhân viên hoặc bị mờ, khó đọc thì giữ nguyên hiện trạng số đã đóng sai và thông báo bằng văn bản tới Cơ quan QLCL để xem xét, đóng lại.”</p>	<p>Đề xuất sửa đổi để xử lý đối với các trường hợp đóng khung, số động cơ bị lỗi, tránh trường hợp mài xoá, đục sửa lại số khung, số động cơ với mục đích xấu.</p>
<p>Đoạn đầu trích dẫn của Khoản 2 Điều 9. Đánh giá hàng năm, đánh giá bổ sung Giấy chứng nhận</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu trích dẫn của khoản 2 Điều 9 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:</p>	<p>Việc sửa đổi nội dung này nhằm đáp ứng kết luận của Thanh tra Bộ liên quan đến trình tự bổ sung hồ sơ kiểu loại đã được chứng nhận:</p>

<p>2. Cơ sở sản xuất phải tiến hành các thủ tục chứng nhận bổ sung khi các quy định liên quan đến kiểu loại Xe đã được chứng nhận thay đổi hoặc khi Xe có các thay đổi ảnh hưởng tới sự phù hợp của kiểu loại Xe đó so với các yêu cầu quy định tại Thông tư này. Cơ sở sản xuất phải nộp bổ sung cho Cục Đăng kiểm Việt Nam các tài liệu sau:</p>	<p>“2. Cơ sở sản xuất phải tiến hành các thủ tục chứng nhận bổ sung khi các quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến kiểu loại sản phẩm đã được chứng nhận thay đổi hoặc khi sản phẩm có các thay đổi ảnh hưởng tới sự phù hợp của kiểu loại sản phẩm đó so với quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Cơ sở sản xuất nộp hồ sơ bổ sung và gửi tới Cơ quan QLCL để được tiếp nhận, kiểm tra và đánh giá nội dung hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận theo trình tự và cách thức nêu tại Điều 7 của Thông tư này. Trường hợp sản phẩm có sự thay đổi kết cấu, bố trí trên xe không ảnh hưởng đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kiểu loại sản phẩm đã chứng nhận, so với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc không làm thay đổi thông số in trên Giấy chứng nhận đã cấp thì chỉ ghi nhận, bổ sung các nội dung thay đổi đối với kiểu loại sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận. Hồ sơ bổ sung bao gồm bao gồm các tài liệu sau:”</p>	<p>“Trình tự thủ tục cấp lại trong trường hợp hợp mất, rách hỏng, cấp mở rộng, bổ sung giấy chứng nhận” tại các Thông tư. <i>Ghi chú: Trường hợp bổ sung thêm trình tự thủ tục cấp GCN mở rộng , bổ sung GCN sẽ <u>phát sinh thêm thủ tục hành chính</u></i></p>
<p>Điểm b khoản 3 Điều 9 b) Cơ sở sản xuất vi phạm quy định: <u>không thực hiện việc kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định</u>, sử dụng Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng cho Xe chưa được cấp Giấy chứng nhận, kiểu loại Xe vi phạm quyền sở hữu công nghiệp;</p>	<p>Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 9 “b) Cơ sở sản xuất vi phạm quy định: sử dụng Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng cho Xe chưa được cấp Giấy chứng nhận; vi phạm quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền;”</p>	<p>Phân loại biện pháp xử lý khi vi phạm cho phù hợp</p>
<p>Điểm d,đ khoản 3 Điều 9 (chưa có)</p>	<p>Bổ sung điểm d, đ khoản 3 Điều 9 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau: “d) Cơ sở sản xuất giả mạo, phá sản theo quy định của pháp luật hoặc Cơ sở sản xuất giả mạo các tài liệu, khai báo không đúng các thông tin liên quan ảnh hưởng đến chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của sản phẩm trong hồ sơ đăng ký chứng nhận của kiểu loại sản phẩm. đ) Kiểu loại sản phẩm bị tạm dừng xuất xưởng quá 06 tháng theo quy định tại khoản 4 Điều này mà Cơ sở sản xuất vẫn không khắc phục được lỗi vi phạm.”</p>	<p>Bổ sung để thống nhất cách xử lý trong các Thông tư.</p>
<p>Khoản 4, khoản 5 Điều 9 (chưa có)</p>	<p>Bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 9 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau: “4. Tạm dừng xuất xưởng của kiểu loại xe Cơ quan QLCL thông báo bằng văn bản yêu cầu cơ sở sản xuất tạm dừng xuất xưởng và tạm dừng cấp phôi phiếu kiểm tra</p>	<p>+ Để giải quyết kết luận của Thanh tra Bộ về việc bổ sung các quy định chế tài xử lý vi phạm của cơ sở sản xuất. + Việc sửa đổi nội dung này nhằm đáp ứng kết luận của Thanh tra Bộ liên quan đến trình</p>

	<p>chất lượng xuất xưởng cho xe (tạm dừng xuất xưởng) đối với kiểu loại xe vi phạm nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Cơ sở sản xuất vi phạm một trong các lỗi sau: không duy trì việc đảm bảo chất lượng theo quy định; không thực hiện đầy đủ việc kiểm tra chất lượng xe theo quy trình và hướng dẫn kiểm tra chất lượng của cơ sở sản xuất đã ban hành; quản lý và sử dụng Phiếu xuất xưởng không đúng quy định; không lập đầy đủ hồ sơ xuất xưởng cho xe theo quy định;</p> <p>b) Xe xuất xưởng không đạt quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư này, không phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận xe và mẫu điển hình của kiểu loại xe đã được cấp Giấy chứng nhận;</p> <p>c) Không phối hợp trong việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đột xuất, xác minh lỗi của xe;</p> <p>d) Cơ sở sản xuất tự ý tẩy xóa, đục sửa, đóng lại số khung, số động cơ của xe sản xuất, lắp ráp và không báo cáo tới Cơ quan QLCL.</p> <p>Trường hợp lỗi vi phạm thuộc lỗi liên quan đến việc đảm bảo chất lượng, quản lý và sử dụng phiếu kiểm tra chất lượng chung cho tất cả các kiểu loại xe hoặc các kiểu loại xe tương tự (có sự giống nhau cơ bản về quy trình công nghệ sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng), Cơ quan QLCL yêu cầu tạm dừng xuất xưởng đối với tất cả kiểu loại xe hoặc các kiểu loại xe tương tự đã được cấp Giấy chứng nhận.</p> <p>Trong thời gian bị tạm dừng xuất xưởng, Cơ sở sản xuất không được thực hiện xuất xưởng, cấp phiếu kiểm tra chất lượng cho xe của kiểu loại đang bị tạm dừng để đưa ra thị trường và phải thực hiện khắc phục các lỗi vi phạm. Cơ quan QLCL sẽ xem xét, kiểm tra sau khi Cơ sở sản xuất thông báo về việc đã khắc phục các lỗi vi phạm; nếu các lỗi vi phạm đã được khắc phục thì Cơ quan QLCL hủy bỏ việc tạm dừng xuất xưởng và thông báo bằng văn bản cho Cơ sở sản xuất; nếu quá 06 tháng kể từ khi thông báo tạm đình chỉ mà Cơ sở sản xuất vẫn chưa khắc phục được các lỗi vi phạm thì Giấy chứng nhận đã cấp cho kiểu loại xe sẽ bị thu hồi theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này.</p> <p>5. Cấp lại Giấy chứng nhận</p>	<p>tự cấp lại Giấy chứng nhận trong một số trường hợp: “Trình tự thủ tục cấp lại trong trường hợp mất, rách hỏng, cấp mở rộng, bổ sung giấy chứng nhận” tại các Thông tư.</p> <p><i>Ghi chú: Trường hợp bổ sung thêm trình tự thủ tục cấp lại GCN khi bị mất, rách, hỏng GCN sẽ <u>phát sinh thêm thủ tục hành chính</u></i></p>
--	--	---

	Giấy chứng nhận được cấp lại trong các trường hợp bị mất, hỏng hoặc có sự thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp trên Giấy chứng nhận, Cơ sở sản xuất nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng thông tin điện tử hoặc qua hình thức khác các tài liệu liên quan đến việc đề nghị cấp lại giấy chứng nhận tới Cơ quan QLCL. Cơ quan QLCL sẽ tiếp nhận, kiểm tra các tài liệu để cấp lại Giấy chứng nhận theo trình tự và cách thức nêu tại Điều 7 của Thông tư này.”.	
Điểm c khoản 3 Điều 12 (chưa có)	Bổ sung điểm c khoản 3 Điều 12 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT: “c) Trường hợp xe bị nghi vấn về tình trạng số khung hoặc số động cơ thì Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ trưng cầu giám định tại Cơ quan giám định chuyên ngành để xử lý cụ thể: Xe có số khung, số động cơ bị tẩy xóa, đục sửa, đóng lại thì Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện như sau: Dừng các thủ tục kiểm tra, chứng nhận chất lượng ATKT & BVMT xe chở người bốn bánh có gắn động cơ nhập khẩu; Lập biên bản ghi nhận về tình trạng xe vi phạm quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP theo mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận vi phạm, Cục Đăng kiểm Việt Nam ra Thông báo vi phạm Nghị định số 69/2018/NĐ-CP theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này để Người nhập khẩu và Cơ quan hải quan (nơi làm thủ tục nhập khẩu) giải quyết theo quy định.”	Sửa đổi cho phù hợp do có sự thay đổi liên quan thay đổi của Nghị định số 69/2018/NĐ-CP và kết luận của Thanh tra Bộ.
Khoản 3 Điều 25 3. Thực hiện việc triệu hồi sản phẩm theo quy định tại Điều 22 của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khi phát hiện sản phẩm bị lỗi kỹ thuật.	Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 25 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT: “3. Thực hiện việc triệu hồi đối với xe sản xuất, lắp ráp khi phát hiện xe bị lỗi kỹ thuật theo trình tự quy định tại Chương III của Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05 tháng 07 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô; Thực hiện việc triệu hồi xe nhập khẩu khi phát hiện xe bị lỗi kỹ thuật theo trình tự quy định tại Chương III – Quy định về triệu hồi ô tô của Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ	Bổ sung về triệu hồi sản phẩm theo kết luận của Thanh tra như đối với các Thông tư khác: TT30 và TT25,...

	trường Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP	
Phụ lục XI và XII của Thông tư 86/2014/TT-BGTVT (chưa có)	Bổ sung Phụ lục 5 và 6 ban hành kèm theo Thông tư này thành Phụ lục XI và XII của Thông tư 86/2014/TT-BGTVT	Bổ sung Phụ lục để xử lý đối với trường hợp xe bị đục sứt số khung, số động cơ liên quan thay đổi của Nghị định số 69/2018/NĐ-CP như đã bổ sung điểm c khoản 3 Điều 12 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ở trên.
Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng (sau đây viết tắt là Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT)		
Khoản 2 Điều 1 2. Thông tư này không áp dụng đối với xe máy chuyên dùng được sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu sử dụng trực tiếp vào mục đích quốc phòng, an ninh của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.	Sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau: “2. Thông tư này không áp dụng đối với xe máy chuyên dùng sau đây: a) Xe máy chuyên dùng được sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; b) <u>Xe máy chuyên dùng nhập khẩu để trưng bày, giới thiệu tại hội trợ triển lãm thương mại;</u> c) <u>Xe máy chuyên dùng tạm nhập – tái xuất không tiêu thụ và sử dụng tại Việt Nam.</u> ”	Trong thực tế có một số trường hợp không thuộc phạm vi kiểm tra chất lượng: + Xe máy chuyên dùng nhập khẩu để trưng bày, giới thiệu tại hội chợ triển lãm thương mại; + Xe máy chuyên dùng tạm nhập – tái xuất không tiêu thụ và sử dụng tại Việt Nam.
Khoản 1 Điều 3 1. Xe máy chuyên dùng (sau đây viết tắt là Xe) gồm các loại xe được nêu trong tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7772:2007 “Xe, máy và thiết bị thi công di động - phân loại” và các loại Xe được nêu tại Phụ lục II của Thông tư số 13/2015/TT-BGTVT ngày 21 tháng 04 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố danh mục hàng hóa nhập khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải theo quy định tại Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.	Sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau: “1. Xe máy chuyên dùng (sau đây viết tắt là xe) gồm các loại xe được nêu trong tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7772:2007 “Xe, máy và thiết bị thi công di động - phân loại” <u>và các loại xe được nêu tại mục C của Phụ lục I và mục D Phụ lục II của Thông tư số 12/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.</u>	Do Thông tư số 13/2015/TT-BGTVT ngày 21 tháng 04 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố danh mục hàng hóa nhập khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải đã được thay thế bằng các Thông tư mới, cụ thể năm 2022 đã ban hành Thông tư số 12/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp.
Điểm a Khoản 2 Điều 5 a) Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Đăng kiểm Việt Nam xác nhận vào Bản đăng ký kiểm tra chất lượng ATK & BVMT. Người nhập khẩu phải đưa Xe đến địa điểm đăng ký	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau: “a) Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Đăng kiểm Việt Nam xác nhận vào Bản đăng ký kiểm tra chất lượng ATK & BVMT. Người nhập khẩu phải xuất trình Xe tại địa điểm đăng	+ Sửa đổi theo khuyến nghị của Thanh tra gồm các nội dung: Quy định rõ một số nội dung xảy ra trong thực tế khi tiếp nhận HS, kiểm tra xe tại hiện trường như: Nội dung kế hoạch kiểm tra xe tại hiện trường (thời gian, địa điểm) được xác định trong biên bản đăng

<p>kiểm tra thực tế trong thời hạn <u>15 ngày làm việc</u>, kể từ ngày được xác nhận Hồ sơ ĐKKT. Trường hợp Người nhập khẩu không có Xe để kiểm tra thực tế trong thời hạn <u>15 ngày</u> làm việc kể từ ngày được tạm giải phóng hàng thì phải có văn bản giải trình gửi tới Cục Đăng kiểm Việt Nam về lý do chậm trễ.</p>	<p>ký kiểm tra thực tế trong thời hạn <u>25 ngày</u> kể từ ngày đưa hàng về bảo quản. <u>Quá 30 ngày</u> kể từ ngày đưa hàng về bảo quản mà Người nhập khẩu không xuất trình được Xe để kiểm tra thực tế thì Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ từ chối tiếp nhận các Hồ sơ tiếp theo cho đến khi Người nhập khẩu xuất trình xe để kiểm tra thực tế.”</p>	<p>ký kiểm tra; Trách nhiệm của người nhập khẩu và cơ quan đăng kiểm trong việc thực hiện kế hoạch kiểm tra (thay đổi, chậm); yêu cầu bổ sung, thay đổi tài liệu + Bổ sung thêm điều khoản xử lý trong trường hợp doanh nghiệp không xuất trình để kiểm tra.</p>
<p>Điểm c Khoản 2 Điều 5 (chưa có) c) (chưa có)</p>	<p>Bổ sung điểm c khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:: “c) Trường hợp Người nhập khẩu chưa khai đầy đủ số khung, số động cơ đúng với Xe thực tế thì Cục Đăng kiểm Việt Nam trả Hồ sơ để Người nhập khẩu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ.”</p>	<p>+ Sửa đổi theo khuyến nghị của Thanh tra gồm các nội dung: Quy định rõ một số nội dung xảy ra trong thực tế khi tiếp nhận HS, kiểm tra xe tại hiện trường như: Nội dung kế hoạch kiểm tra xe tại hiện trường (thời gian, địa điểm) được xác định trong biên bản đăng ký kiểm tra; Trách nhiệm của người nhập khẩu và cơ quan đăng kiểm trong việc thực hiện kế hoạch kiểm tra (thay đổi, chậm); yêu cầu bổ sung, thay đổi tài liệu + Bổ sung thêm điều khoản xử lý trong trường hợp doanh nghiệp không xuất trình để kiểm tra.</p>
<p>Khoản 1 Điều 6 1. Kiểm tra xác nhận kiểu loại: a) Phương thức kiểm tra này áp dụng đối với Xe chưa qua sử dụng, được sản xuất trước thời điểm nhập khẩu không quá 03 năm, tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu, có hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và đáp ứng một trong các điều kiện sau: Xe đã được kiểm tra theo Hiệp định hoặc Thỏa thuận công nhận lẫn nhau mà Việt Nam tham gia ký kết; xe được sản xuất tại Cơ sở sản xuất nước ngoài đã được Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện việc đánh COP theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Thông tư này và có cùng kiểu loại với loại xe đã được Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận CL. b) Nội dung kiểm tra: Lấy ngẫu nhiên 01 Xe của mỗi kiểu loại để kiểm tra sự phù hợp về kiểu loại Xe thể hiện trong Hồ sơ ĐKKT so với các kiểu loại Xe đã được cấp Giấy chứng nhận</p>	<p>Bãi bỏ khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT</p>	<p>Bỏ khoản 1 điều 6 để phù hợp với Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT.</p>

<p>CL; kiểm tra tình trạng số khung, số động cơ của từng chiếc xe nhập khẩu có cùng kiểu loại với kiểu loại thể hiện trong Hồ sơ ĐKKT.</p>		
<p>Điểm d khoản 1 Điều 7 d) Xe có số khung, số động cơ bị tẩy xóa, đục sửa, đóng lại thì Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện như sau: Dừng các thủ tục kiểm tra, chứng nhận chất lượng ATKKT & BVMT xe máy chuyên dùng nhập khẩu; Lập biên bản ghi nhận về tình trạng Xe vi phạm quy định tại Nghị định số 187/2013/NĐ-CP theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận vi phạm, Cục Đăng kiểm Việt Nam ra Thông báo vi phạm Nghị định số 187/2013/NĐ-CP theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này gửi tới Người nhập khẩu và Cơ quan hải quan (nơi làm thủ tục nhập khẩu) để giải quyết theo quy định</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 7 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau: “d) Xe thuộc Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu nêu tại mục II của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 69/2018/NĐ-CP thì Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện như sau: Dừng các thủ tục kiểm tra, chứng nhận chất lượng ATKKT & BVMT xe máy chuyên dùng nhập khẩu; Lập biên bản ghi nhận về tình trạng Xe vi phạm quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận vi phạm, Cục Đăng kiểm Việt Nam ra Thông báo vi phạm Nghị định số 69/2018/NĐ-CP theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này gửi tới Người nhập khẩu và Cơ quan hải quan (nơi làm thủ tục nhập khẩu) để giải quyết theo quy định.”</p>	<p>Do bãi bỏ Nghị định 187 và thay thế bằng Nghị định 69 nên cần cập nhật các nội dung liên quan.</p>
<p>Điểm đ khoản 2 Điều 7 đ) Trường hợp các Xe tay lái bên phải được phép nhập khẩu theo quy định tại mục 6a phần II Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài, thì được kiểm tra để cấp chứng chỉ, nếu Xe đạt chất lượng ATKKT & BVMT thì trong chứng chỉ chất lượng có ghi chú: Xe này dùng để hoạt động trong phạm vi hẹp và không tham gia giao thông.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau: “đ) Trường hợp các xe hoạt động trong phạm vi hẹp và không tham gia giao thông được loại trừ khỏi Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu nêu tại mục II của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 69/2018/NĐ-CP thì được kiểm tra, chứng nhận theo quy định, trong Giấy chứng nhận có ghi chú: “chiếc xe này dùng để hoạt động trong phạm vi hẹp và không tham gia giao thông.”</p>	
<p>Khoản 3 Điều 8 (chưa có)</p>	<p>Bổ sung khoản 3 Điều 8 như sau: “3. Trường hợp cơ sở thiết kế nộp hồ sơ qua công dịch vụ công trực tuyến thì các tài liệu yêu cầu nộp bản chính được thay thế bằng các tài liệu dạng điện tử.”</p>	<p>Quy định cho rõ ràng hơn để tiến tới thực hiện thủ tục trên hệ thống trực tuyến do quy định hiện tại đang yêu cầu nộp bản chính của các thành phần hồ sơ thiết kế</p>

<p>Khoản 3 Điều 9 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT</p> <p>3. Hồ sơ thiết kế sau khi được cấp giấy chứng nhận thẩm định thì: 01 bản lưu trữ tại Cục Đăng kiểm Việt Nam; 01 bản lưu trữ tại Cơ sở thiết kế và 01 bản tại Cơ sở sản xuất, lắp ráp.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT</p> <p>“3. Cơ sở thiết kế nhận kết quả thẩm định thiết kế gồm:</p> <p>a) Trường hợp nhận trực tiếp tại trụ sở Cơ quan QLCL hoặc qua hệ thống bưu chính: 01 Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế; bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật và bản vẽ kỹ thuật (01 bản đối với trường hợp cơ sở thiết kế đồng thời là cơ sở sản xuất hoặc 02 bản đối với trường hợp cơ sở thiết kế khác cơ sở sản xuất) của hồ sơ thiết kế.</p> <p>b) Trường hợp nhận qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: bản điện tử Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế; bản điện tử bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật và bản vẽ kỹ thuật của hồ sơ thiết kế.”</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với các khuyến nghị của Thanh tra như đối với các thông tư khác: TT30 và TT25,...</p> <p>Đồng thời phù hợp khi thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến</p>
<p>Điểm a khoản 4 Điều 9 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT</p> <p>a) Trong trường hợp có thay đổi, bổ sung thiết kế sản phẩm so với hồ sơ thiết kế đã được thẩm định thì Cơ sở sản xuất hoặc Cơ sở thiết kế sản phẩm đó phải có hồ sơ thiết kế bổ sung, sửa đổi và văn bản đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam thẩm định nội dung bổ sung, sửa đổi đó theo trình tự thủ tục quy định tại khoản 5 Điều này.</p>	<p>Sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 9 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT</p> <p>“a) Trong trường hợp có thay đổi, bổ sung thiết kế sản phẩm so với hồ sơ thiết kế đã được thẩm định hoặc có sự thay đổi của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho kiểu loại sản phẩm thì cơ sở thiết kế sản phẩm đó phải có hồ sơ thiết kế bổ sung, sửa đổi và văn bản đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam thẩm định nội dung bổ sung, sửa đổi đó theo trình tự thủ tục quy định tại khoản 5 Điều này.”</p>	<p>Bổ sung cách thức xử lý khi tiêu chuẩn, quy chuẩn thay đổi</p>
<p>Đoạn giữa và cuối của điểm b khoản 5 Điều 9 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT</p> <p>“Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ trong vòng 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn cơ sở hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy thông báo hẹn thời gian trả kết quả thẩm định thiết kế.</p> <p>Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành thẩm định hồ sơ thiết kế: Nếu hồ sơ thiết kế chưa đạt yêu cầu thì thông báo bổ sung, sửa đổi; Nếu hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.”</p> <p>c) Thời hạn giải quyết:</p> <p>Thời gian thẩm định hồ sơ thiết kế trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định; thời gian</p>	<p>Sửa đổi đoạn giữa và cuối của điểm b khoản 5 Điều 9 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT</p> <p>“Cơ quan QLCL tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, Cơ quan QLCL trả lại hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với hình thức nộp khác và hướng dẫn để Cơ sở thiết kế hoàn thiện. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, Cơ quan QLCL tiếp nhận và tiến hành thẩm định hồ sơ.</p> <p>Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành thẩm định hồ sơ thiết kế: nếu hồ sơ thiết kế chưa đạt yêu cầu thì thông báo bổ sung, sửa đổi; nếu hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với các khuyến nghị của Thanh tra như đối với các thông tư khác: TT30 và TT25,...</p>

<p>cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày thẩm định hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu</p>	<p>Trường hợp hồ sơ thiết kế có các nội dung chưa đạt yêu cầu, Cơ sở thiết kế có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thiết kế trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông báo. Khi cơ sở thiết kế bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Cơ quan QLCL tiến hành thẩm định lại hồ sơ theo quy định. Quá thời hạn nêu trên mà cơ sở thiết kế không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Cơ quan QLCL sẽ dừng việc thẩm định hồ sơ thiết kế; để tiếp tục thực hiện việc thẩm định hồ sơ thiết kế, Cơ sở thiết kế phải tiến hành nộp hồ sơ lại từ đầu.”</p>	
<p>Khoản 6 Điều 9 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT (chưa có)</p>	<p>Bổ sung khoản 6 Điều 9 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:</p> <p>“6. Giấy chứng nhận, bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật và các bản vẽ kỹ thuật (bản giấy) được cấp lại trong các trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp trên Giấy chứng nhận. Để được cấp cấp lại, doanh nghiệp có văn bản đề nghị cấp lại theo mẫu quy định tại Phụ lục XIVA ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo các tài liệu gồm Bản gốc Giấy chứng nhận, bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật và các bản vẽ kỹ thuật đã được cấp (không áp dụng đối với trường hợp cấp lại do mất; nộp bản gốc chỉ áp dụng đối với trường hợp được cấp bản giấy), Bản sao có xác thực của doanh nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp) và gửi tới Cơ quan QLCL để xem xét thực hiện cấp lại theo trình tự và cách thức thực hiện nêu tại Điều 9 của Thông tư này.”</p>	<p>+ Để giải quyết kết luận của Thanh tra Bộ về việc bổ sung các quy định chế tài xử lý vi phạm của cơ sở sản xuất. + Việc sửa đổi nội dung này nhằm đáp ứng kết luận của Thanh tra Bộ liên quan đến trình tự cấp lại Giấy chứng nhận trong một số trường hợp: “Trình tự thủ tục cấp lại trong trường hợp mất, rách hỏng, cấp mở rộng, bổ sung giấy chứng nhận” tại các Thông tư. <i>Ghi chú: Trường hợp bổ sung thêm trình tự thủ tục cấp lại GCN khi bị mất, rách, hỏng GCN sẽ phát sinh thêm thủ tục hành chính</i></p>
<p>Điểm b và c khoản 2 Điều 13. Cấp Giấy chứng nhận kiểu loại</p> <p>b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ đăng ký chứng nhận: nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trong vòng 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, hướng dẫn cơ sở sản xuất hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì thực hiện đánh giá sự phù hợp của hồ sơ đăng ký chứng nhận theo quy định; thông báo tới cơ sở sản xuất về</p>	<p>Sửa đổi điểm b và c khoản 2 Điều 13 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT, đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT như sau:</p> <p>“b) Cơ quan QLCL tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ đăng ký chứng nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cơ quan QLCL trả lại hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trả lại hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ</p>	<p>+ Sửa đổi bổ sung điều nay để đáp ứng các kết luận của Thanh tra Bộ như tại các TT30, 45; thống nhất cách thức thực hiện để có thể triển khai đồng bộ được hệ thống trực tuyến; + Cắt giảm thời gian thực hiện từ 10 ngày xuống còn 07 ngày; + Bổ sung quy định về việc thông báo kết quả sau khi thực hiện đánh giá COP và xử lý đối</p>

<p>thời gian đánh giá COP tại Cơ sở sản xuất (trừ trường hợp được miễn đánh giá COP), thời gian thông báo đánh giá COP không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định;</p> <p>c) Cục Đăng kiểm Việt Nam căn cứ vào kết quả đánh giá sự phù hợp của hồ sơ đăng ký chứng nhận, kết quả đánh giá COP để thực hiện cấp Giấy chứng nhận cho kiểu loại sản phẩm; trường hợp có các nội dung chưa đạt yêu cầu thì thông báo để cơ sở sản xuất hoàn thiện lại.</p> <p><i>Ghi chú: Điều này đã được sửa đổi tại Chương III và Chương này được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng và Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2020.</i></p>	<p>sơ đối với hình thức nộp khác và hướng dẫn để doanh nghiệp hoàn thiện. Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần, Cơ quan QLCL tiếp nhận hồ sơ để thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ theo quy định.</p> <p>c) Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong thời hạn 07 ngày làm việc. Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ thì thông báo để Cơ sở sản xuất bổ sung, hoàn thiện theo quy định. Trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP thì Cơ quan QLCL thống nhất với Cơ sở sản xuất về thời gian, địa điểm thực hiện; nội dung và phương thức đánh giá thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 12 của Thông tư này; kết quả sau khi kết thúc việc đánh giá COP sẽ được thông báo cho doanh nghiệp. Nếu đạt yêu cầu, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận theo mẫu quy định.</p> <p>Trường hợp có nội dung chưa phù hợp cần bổ sung, sửa đổi và khắc phục, doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung, khắc phục và hoàn thiện trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày thông báo. Khi doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hoặc khắc phục, Cơ quan QLCL tiến hành kiểm tra, đánh giá lại theo quy định. Quá thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp không thực hiện bổ sung, sửa đổi và khắc phục, Cơ quan QLCL dừng thực hiện kiểm tra đánh giá hồ sơ hoặc đánh giá COP; để tiếp tục thực hiện, doanh nghiệp phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu.”.</p>	<p>với trường hợp kết quả đánh giá COP không đạt yêu cầu theo kết luận Thanh tra Bộ.</p>
<p>Khoản 4 Điều 14 (chưa có)</p>	<p>Bổ sung khoản 4 Điều 14 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT, đã được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT như sau:</p> <p>“4. Cơ sở sản xuất không sử dụng khung xe, động cơ có số khung, số động cơ bị tẩy xóa, đục sửa và đóng lại để sản xuất, lắp ráp thành xe. Trường hợp số khung, số động cơ đóng trong nước bị lỗi do thao tác của nhân viên hoặc bị mờ, khó đọc thì giữ nguyên hiện trạng số đã đóng sai và thông báo bằng văn bản tới Cơ quan QLCL để xem xét, đóng lại.”</p>	<p>Đề xuất sửa đổi phát sinh mới để xử lý đối với các trường hợp đóng khung, số động cơ bị lỗi, tránh trường hợp mài xóa, đục sửa lại số khung, số động cơ với mục đích xấu.</p>
<p>Đoạn cuối Khoản 3 Điều 15</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung đoạn cuối khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT, được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT như sau:</p>	<p>Việc sửa đổi nội dung này nhằm đáp ứng kết luận của Thanh tra Bộ liên quan đến trình tự bổ sung hồ sơ kiểu loại đã được chứng nhận: “Trình tự thủ tục cấp lại trong trường hợp</p>

<p>Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ tiếp nhận, kiểm tra các tài liệu bổ sung để xem xét, đánh giá và cấp Giấy chứng nhận. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận được thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Thông tư này.</p>	<p>Cơ quan QLCL sẽ tiếp nhận, kiểm tra các tài liệu bổ sung để đánh giá nội dung hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận theo trình tự, cách thức nêu tại Điều 13 của Thông tư này. Trường hợp sản phẩm có sự thay đổi kết cấu, bố trí và loại thiết bị lắp đặt trên xe ảnh hưởng đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kiểu loại sản phẩm đã chứng nhận, so với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc có các thay đổi làm thay đổi thông số in trên Giấy chứng nhận đã cấp thì Giấy chứng nhận được cấp được căn cứ trên Giấy chứng nhận của kiểu loại xe thay đổi; các trường hợp khác thì ghi nhận, bổ sung các nội dung thay đổi đối với kiểu loại sản phẩm đã cấp.</p>	<p>mất, rách hỏng, cấp mở rộng, bổ sung giấy chứng nhận” tại các Thông tư. <i>Ghi chú: Trường hợp bổ sung thêm trình tự thủ tục cấp GCN mở rộng, bổ sung GCN sẽ <u>phát sinh thêm thủ tục hành chính</u></i></p>
<p>Khoản 6 Điều 15 (chưa có)</p>	<p>Bổ sung khoản 6 Điều 15 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT, được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT như sau: “6. Cấp lại Giấy chứng nhận: Giấy chứng nhận được cấp lại trong các trường hợp bị mất, hỏng hoặc có sự thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến doanh nghiệp trên Giấy chứng nhận, Cơ sở sản xuất nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua hình thức phù hợp khác các tài liệu liên quan đến việc đề nghị cấp lại giấy chứng nhận tới Cơ quan QLCL. Cơ quan QLCL sẽ tiếp nhận, kiểm tra các tài liệu để cấp lại Giấy chứng nhận theo trình tự và cách thức nêu tại Điều 13 của Thông tư này.”</p>	<p>Việc sửa đổi nội dung này nhằm đáp ứng kết luận của Thanh tra Bộ liên quan đến trình tự bổ sung hồ sơ kiểu loại đã được chứng nhận: “Trình tự thủ tục cấp lại trong trường hợp mất, rách hỏng, cấp mở rộng, bổ sung giấy chứng nhận” tại các Thông tư. <i>Ghi chú: Trường hợp bổ sung thêm trình tự thủ tục cấp GCN mở rộng, bổ sung GCN sẽ <u>phát sinh thêm thủ tục hành chính</u></i></p>
<p>Khoản 2 Điều 16 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT 2. Trình tự, cách thức thực hiện thẩm định thiết kế cải tạo: a) Cơ sở thiết kế cải tạo lập 01 bộ (gồm 03 bản) Hồ sơ thiết kế Xe cải tạo và nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Đăng kiểm Việt Nam. b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ trong vòng 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn cơ sở hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy nhận Hồ sơ. c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi Cơ sở thiết kế nộp đủ hồ sơ: nếu Hồ sơ thiết kế Xe cải tạo đạt yêu cầu, Cục</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau: “2. Trình tự, cách thức thực hiện thẩm định thiết kế cải tạo: a) Cơ sở thiết kế lập 01 bộ (gồm 03 bản) Hồ sơ thiết kế xe cải tạo và nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Chi cục Đăng kiểm. b) Chi cục Đăng kiểm tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ trong vòng 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn cơ sở hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy nhận Hồ sơ. c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi Cơ sở thiết kế nộp đủ hồ sơ: nếu Hồ sơ thiết kế xe cải tạo đạt yêu cầu, Chi</p>	<p>Thực hiện Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022, Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe máy chuyên dùng (mã TTHC: 1.005107). a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Đăng kiểm Việt Nam về Chi cục Đăng kiểm. b) Kiến nghị thực thi: - Sửa đổi, bổ sung Điều 16, 17 Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ</p>

<p>Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế cải tạo theo mẫu tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này; Nếu Hồ sơ thiết kế Xe cải tạo không đạt yêu cầu, cơ quan thẩm định thiết kế thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi tới Cơ sở thiết kế.</p>	<p>cục Đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế cải tạo theo mẫu tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này; Nếu Hồ sơ thiết kế xe cải tạo không đạt yêu cầu, Chi cục Đăng kiểm thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi tới Cơ sở thiết kế.</p> <p>d) Hồ sơ thiết kế xe cải tạo sau khi được phê duyệt và Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế cải tạo được lưu tại cơ quan thẩm định thiết kế 01 bộ, cơ sở cải tạo 01 bộ và cơ sở thiết kế 01 bộ.”</p>	<p>thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng. - Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.</p>
<p>Khoản 2 Điều 17 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT 2. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành lập Biên bản kiểm tra trên cơ sở kiểm tra, đối chiếu Xe sau cải tạo với Hồ sơ thiết kế Xe cải tạo đã được thẩm định và kiểm tra chất lượng ATKTK & BVMT theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định hiện hành; nếu hạng mục nào của Xe không đạt yêu cầu thì thông báo để cơ sở cải tạo hoàn thiện lại.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau: “2. Chi cục Đăng kiểm (cơ quan đã thẩm định thiết kế) tiến hành lập Biên bản kiểm tra trên cơ sở kiểm tra, đối chiếu xe sau cải tạo với Hồ sơ thiết kế xe cải tạo đã được thẩm định và kiểm tra chất lượng ATKTK & BVMT theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định hiện hành; nếu hạng mục nào của xe không đạt yêu cầu thì thông báo để cơ sở cải tạo hoàn thiện lại.”</p>	<p>Thực hiện Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022, Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe máy chuyên dùng (mã TTHC: 1.005107). a) Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Đăng kiểm Việt Nam về Chi cục Đăng kiểm. b) Kiến nghị thực thi: - Sửa đổi, bổ sung Điều 16, 17 Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng. - Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2022 - 2023.</p>
<p>Khoản 4 Điều 18 (chưa có, đã bị huỷ quy định trong khoản 3 Điều 30)</p>	<p>Bổ sung khoản 4 Điều 18 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau: “4. Hồ sơ thiết kế xe cải tạo quy định tại Điều 16 của Thông tư này sau khi thẩm định và các tài liệu được thiết lập trong quá trình kiểm tra được lưu trữ tại Chi cục Đăng kiểm theo quy định kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chất lượng ATKTK&BVMT xe cải tạo.”</p>	<p>Bổ sung cho rõ ràng hơn khi phân cấp</p>
<p>Khoản 2 Điều 23 (chưa có)</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 23 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau: “2. Xây dựng Chương trình phần mềm Quản lý xe trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, cải tạo và khai thác sử dụng, thống nhất in, quản lý các loại phôi Giấy ATKTK & BVMT, phôi phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng, tem kiểm tra và các</p>	<p>Bổ sung cho rõ ràng hơn khi phân cấp..</p>

	chứng chỉ chất lượng được quy định tại Thông tư này, trừ phôi Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế cải tạo và Giấy chứng nhận ATK&BVMT xe cải tạo.	
Khoản 7 Điều 25 (chưa có)	Bổ sung khoản 7 Điều 25 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau: “7. Trách nhiệm riêng Chi cục Đăng kiểm trong công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu và cấp Giấy chứng nhận chất lượng ATK&BVMT xe cải tạo: a) Hướng dẫn, tổ chức, thực hiện thẩm định thiết kế xe cải tạo, nghiệm thu và cấp Giấy chứng nhận chất lượng ATK&BVMT xe cải tạo theo quy định tại Thông tư này. b) Báo cáo, cung cấp đầy đủ hồ sơ, số liệu phục vụ việc kiểm tra công tác công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu và cấp Giấy chứng nhận và cải tạo xe khi được yêu cầu.”	Bổ sung cho rõ ràng hơn khi phân cấp.
Khoản 2 Điều 26 “2. Đảm bảo giữ nguyên trạng Xe khi nhập khẩu để Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện việc kiểm tra chất lượng.”	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 26 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau: “2. Đảm bảo giữ nguyên trạng Xe khi nhập khẩu để Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện việc kiểm tra chất lượng; chuẩn bị địa điểm kiểm tra, đảm bảo không gian an toàn và có người điều khiển, vận hành xe đáp ứng theo quy định của pháp luật trong quá trình kiểm tra.”	Hiện nay, trên thực tế khi thực hiện kiểm tra xe máy chuyên dùng với nhiều chủng loại khác nhau và vận hành xe cũng đòi hỏi có nhiều kỹ năng và thời gian làm quen. Do vậy, đối với một số loại phương tiện mới, có tính năng mới cần có người điều khiển xe chuyên nghiệp của nhà nhập khẩu để vận hành.
Khoản 2 Điều 27 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT 9. Hồ sơ cải tạo phải được lưu trữ ít nhất 02 năm, kể từ thời điểm được Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận cải tạo	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 27 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau: “9. Hồ sơ liên quan đến cải tạo xe phải được lưu trữ ít nhất 02 năm, kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận chất lượng ATK&BVMT xe cải tạo.”	Sửa đổi để phù hợp với các thay đổi tại khoản 2 Điều 16 và khoản 2 Điều 17 khi phân cấp về Chi cục Đăng kiểm.
Khoản 7 Điều 27 (Trách nhiệm của Cơ sở sản xuất, lắp ráp, cải tạo) 7. Thông báo các thông tin cần thiết liên quan đến việc triệu hồi cho các đại lý, trạm dịch vụ và khách hàng.	Sửa đổi bổ sung khoản 7 Điều 27 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau: “7. Báo cáo việc thực hiện triệu hồi sản phẩm khi phát hiện xe bị lỗi kỹ thuật tới Cục Đăng kiểm Việt Nam và thông báo các thông tin cần thiết liên quan đến việc triệu hồi cho các đại lý, trạm dịch vụ và khách hàng (nếu có). Đối với xe sản xuất, lắp ráp khi phát hiện xe bị lỗi kỹ thuật thực hiện theo trình tự quy định tại Chương III của Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05 tháng 07 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô; Thực hiện việc triệu	Sửa đổi để phù hợp với các khuyến nghị của Thanh tra như đối với các thông tư khác: TT30 và TT45,...liên quan đến việc triệu hồi sản phẩm.

	hồi xe nhập khẩu khi phát hiện xe bị lỗi kỹ thuật theo trình tự quy định tại Chương III – Quy định về triệu hồi ô tô của Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.”	
Phụ lục XVII và XVIII của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT	Thay thế Phụ lục XVII và XVIII của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT bằng Phụ lục 7 và 8	Sửa đổi để phù hợp với các thay đổi tại khoản 2 Điều 16 và khoản 2 Điều 17 khi phân cấp về Chi cục Đăng kiểm.
Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (sau đây viết tắt là Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT)		
“Điều 9. Xử lý kết quả”	Sửa đổi tiêu đề của Điều 9 như sau: “Điều 9. Xử lý kết quả kiểm tra và triệu hồi”	Để bổ sung điều khoản liên quan đến triệu hồi.
Khoản 5 Điều 9 (chưa có)	Bổ sung khoản 5 Điều 9 như sau: “Thực hiện việc triệu hồi sản phẩm khi phát hiện bị lỗi kỹ thuật theo các quy định nêu tại Chương III – Quy định về triệu hồi ô tô của Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP (Thông tư 03/2018/TT-BGTVT). “Thực hiện việc triệu hồi sản phẩm khi phát hiện bị lỗi kỹ thuật theo các quy định nêu tại Chương III – Quy định về triệu hồi ô tô của Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP (Thông tư 03/2018/TT-BGTVT).”	Do trong quy định của Thông tư chưa có nội dung quy định về triệu hồi nên cần thiết bổ sung để cơ sở nhập khẩu thực hiện một cách dễ dàng và thống nhất khi sản phẩm bị lỗi kỹ thuật (theo kiến nghị trong kết luận thanh tra 1045/KL-BGTVT ngày 28/01/2022).
Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy (sau đây viết tắt là Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT)		
Điểm c khoản 2 Điều 3 (chưa có)	Bổ sung điểm c khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT như sau:	Loại xe 3 bánh chở người, chở hàng bị hạn chế nhập khẩu theo Nghị quyết 05/2008/NQ-CP ngày 04/02/2008.

	“c) Các loại xe mô tô, xe gắn máy 3 bánh chở hàng và chở người bị hạn chế nhập khẩu theo Nghị quyết số 05/2008/NQ-CP ngày 04/02/2008.	
<p>Khoản 1 Điều 3 Giải thích từ ngữ</p> <p>1. Xe mô tô, xe gắn máy là các loại phương tiện giao thông cơ giới hoạt động trên đường bộ được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 14 : 2011/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô, xe gắn máy.</p>	<p>Sửa đổi khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT như sau:</p> <p>“1. Xe mô tô, xe gắn máy là các loại phương tiện giao thông cơ giới hoạt động trên đường bộ được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 14 : 2015/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô, xe gắn máy</p>	Sửa đổi trích dẫn QCVN 14 cho phù hợp.
<p>Khoản 2 Điều 5</p> <p>2. Nội dung kiểm tra, thử nghiệm:</p> <p>a) Nội dung kiểm tra, thử nghiệm xe thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 14 : 2011/BGTVT. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn kiểm tra thử nghiệm riêng cho linh kiện theo quy định tại mục: 2.4.1, 2.5.1, 2.6.1, 2.6.2, 2.11.2, 2.15.3, 2.16.3, 2.17.1.4; - Việc kiểm tra thử nghiệm khí thải của xe quy định tại mục 2.18.1 được thực hiện khi: <ul style="list-style-type: none"> + Xe không có tài liệu liên quan đến khí thải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 của Thông tư này; + Xe có tài liệu liên quan đến khí thải nhưng trong tài liệu không thể hiện đầy đủ các phép thử áp dụng đối với loại xe đó như quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 04 : 2009/BGTVT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới”; + Xe có kết cấu không đúng với tài liệu liên quan đến khí thải. - Miễn phép thử bay hơi quy định tại QCVN 04 : 2009/BGTVT. <p>b) Nội dung kiểm tra, thử nghiệm động cơ thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 37 : 2010/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về động cơ xe mô tô, xe gắn máy.</p>	<p>Sửa đổi khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT như sau:</p> <p>“2. Nội dung kiểm tra, thử nghiệm:</p> <p>a) Nội dung kiểm tra, thử nghiệm xe thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 14 : 2015/BGTVT. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn kiểm tra thử nghiệm riêng cho linh kiện theo quy định tại mục: 2.4.1; 2.4.2; 2.6.1; 2.6.2; 2.11.2; 2.15.3; 2.16.3; 2.18.1.5; 2.18.2.1; 2.18.2.4. - Việc kiểm tra thử nghiệm khí thải của xe quy định tại mục 2.19.1 được thực hiện khi: <ul style="list-style-type: none"> + Xe không có tài liệu liên quan đến khí thải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 của Thông tư này; + Xe có tài liệu liên quan đến khí thải nhưng trong tài liệu không thể hiện đầy đủ các phép thử áp dụng đối với loại xe đó như quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 04 : 2009/BGTVT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới” hoặc Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 77:2014/BGTVT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải mức 3 đối với xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới”; + Xe có kết cấu không đúng với tài liệu liên quan đến khí thải. - Miễn phép thử bay hơi quy định tại QCVN 04:2009/BGTVT hoặc QCVN 77:2014/BGTVT đối với mô tô, xe gắn máy <p>b) Nội dung kiểm tra, thử nghiệm động cơ thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 37 : 2010/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về động cơ xe</p>	Qua rà soát nội dung khoản 2 Điều 5 thì do các nội dung trích yếu trong QCVN 14:2015/BGTVT đã có sự thay đổi so với QCVN14:2011/BGTVT nên cần thay đổi cho phù hợp.

	mô tô, xe gắn máy hoặc QCVN 90 : 2019/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về động cơ sử dụng cho xe mô tô, xe gắn máy điện.”	
Điều 6. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng nhập khẩu	Sửa đổi tiêu đề Điều 6 của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT như sau: “ Điều 6. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng nhập khẩu và triệu hồi ”	Do trong quy định của thông tư chưa có nội dung quy định về triệu hồi nên cần thiết bổ sung để cơ sở nhập khẩu thực hiện một cách dễ dàng và thống nhất khi sản phẩm bị lỗi kỹ thuật
Khoản 2 Điều 6 2. Cơ quan KTCL tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ đăng ký kiểm tra. Nếu hồ sơ đăng ký kiểm tra chưa đầy đủ theo quy định thì Cơ quan KTCL hướng dẫn tổ chức, cá nhân nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đăng ký kiểm tra đầy đủ theo quy định, trong phạm vi 01 ngày làm việc, Cơ quan KTCL sẽ xác nhận vào Bản đăng ký kiểm tra đồng thời thống nhất với tổ chức, cá nhân nhập khẩu về thời gian và địa điểm kiểm tra;	Sửa đổi khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT như sau: “2. Cơ quan KTCL tiếp nhận và kiểm tra nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra và có kết quả thông báo cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu trong thời gian tối đa 01 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ đăng ký kiểm tra đầy đủ theo quy định thì Cơ quan KTCL xác nhận vào Bản đăng ký kiểm tra. Trường hợp hồ sơ đăng ký kiểm tra chưa đầy đủ theo quy định thì Cơ quan KTCL trả lại hồ sơ khi có kết quả thông báo cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu và hướng dẫn tổ chức, cá nhân nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện lại. Cơ quan KTCL thống nhất với tổ chức, cá nhân nhập khẩu về thời gian và địa điểm kiểm tra. Thời gian kiểm tra không quá 03 ngày làm việc so với ngày đề nghị kiểm tra của tổ chức, cá nhân nhập khẩu.	Sửa đổi để làm rõ và thực hiện theo khuyến nghị của Thanh tra.
Điểm b Khoản 3 Điều 6 b) Đối với các xe và động cơ chưa phù hợp quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành, Cơ quan KTCL thông báo đề tổ chức, cá nhân nhập khẩu khắc phục trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Quá thời hạn nêu trên, nếu tổ chức, cá nhân nhập khẩu chưa có biện pháp khắc phục, Cơ quan KTCL ra Thông báo không đạt chất lượng nhập khẩu theo mẫu tương ứng tại các Phụ lục Va và Vb kèm theo Thông tư này.	Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT như sau: b) Đối với các xe và động cơ không phù hợp quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành, Cơ quan KTCL cấp Thông báo không đạt chất lượng nhập khẩu theo mẫu tương ứng tại các Phụ lục Va và Vb kèm theo Thông tư này.	Đồng thời viết lại quy định các xe nhập khẩu không thoả mãn quy định thì không nhà nhập khẩu không được sửa xe. Các xe này sẽ đánh giá không đạt và không đủ điều kiện nhập khẩu vào Việt Nam.
Khoản 4 Điều 6 (chưa có)	Bổ sung khoản 4 Điều 6 như sau: “4. Thực hiện việc triệu hồi xe hoặc động cơ khi phát hiện bị lỗi kỹ thuật theo các quy định nêu tại Chương III – Quy định về triệu hồi ô tô của Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải	Do trong quy định của Thông tư chưa có nội dung quy định về triệu hồi nên cần thiết bổ sung để cơ sở nhập khẩu thực hiện một cách dễ dàng và thống nhất khi sản phẩm bị lỗi kỹ thuật.

	quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.	
--	---	--